

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC

Văn

LỚP BA



Hà Nội - 1992

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC

VĂN

LỚP BA

thuongmaitruongxua.vn

Hà Nội - 1992

Các em học sinh yêu quý!

Sách văn này dạy em cách học văn, đồng thời đem đến cho em những cảm xúc nghệ thuật.

Cuốn sách sẽ là người bạn thân của em suốt năm học, là người bạn sẽ đi với em suốt đời, một người bạn ở ngay trong tâm hồn em.

+ Sách văn lớp Ba này được thực nghiệm lần đầu tại Trung tâm thực nghiệm giáo dục phổ thông (Bộ Giáo dục) từ năm học 1981-1982.

+ Chỉ đạo khoa học: Giáo sư - Tiến sỹ tâm lý học:

HỒ NGỌC ĐẠI

+ Biên soạn:

HOÀNG HÒA BÌNH
PHẠM TOÀN
NGUYỄN THỊ NGỌC
NGUYỄN THỊ NGỌC

+ Chính lý năm 1992:

Bài mở đầu

CÁCH TÌM NGHĨA BÓNG CỦA HÌNH TƯỢNG VĂN

§1. Tóm tắt điều em đã biết về cách học văn ở lớp Hai.

1. Nhiệm vụ học văn ở lớp Hai là: từ một bài văn, em dựng lên một hình tượng văn.

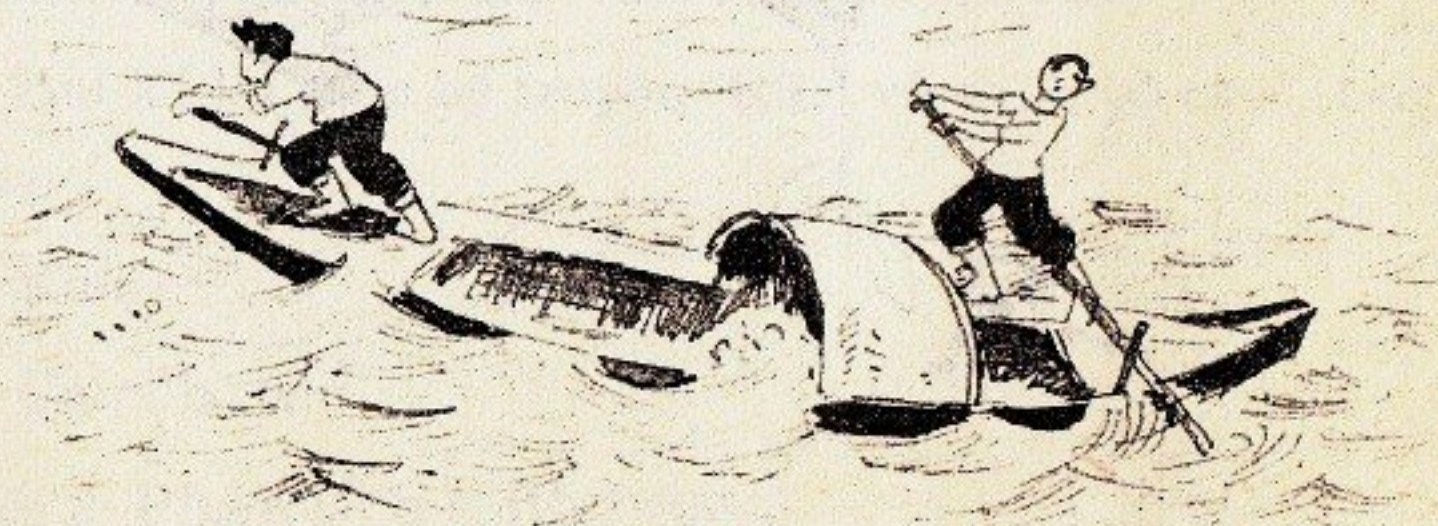
2. Em phải làm những việc gì để dựng hình tượng văn?

Việc 1: Tìm hiểu từ ngữ trong bài văn.

Việc 2: Kể lại những gì em hình dung thấy sau khi đọc bài văn.

3. Em nhớ lại cách dựng lại hình tượng câu tục ngữ sau:

Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.



§2. Lên lớp Ba, nhiệm vụ học văn của em là: tập tìm nghĩa bóng của hình tượng văn.

Em sẽ tìm ra nghĩa bóng của hình tượng văn qua các việc làm sau:

Việc 1: Dựng lại hình tượng văn

(Việc làm em đã biết từ lớp Hai)

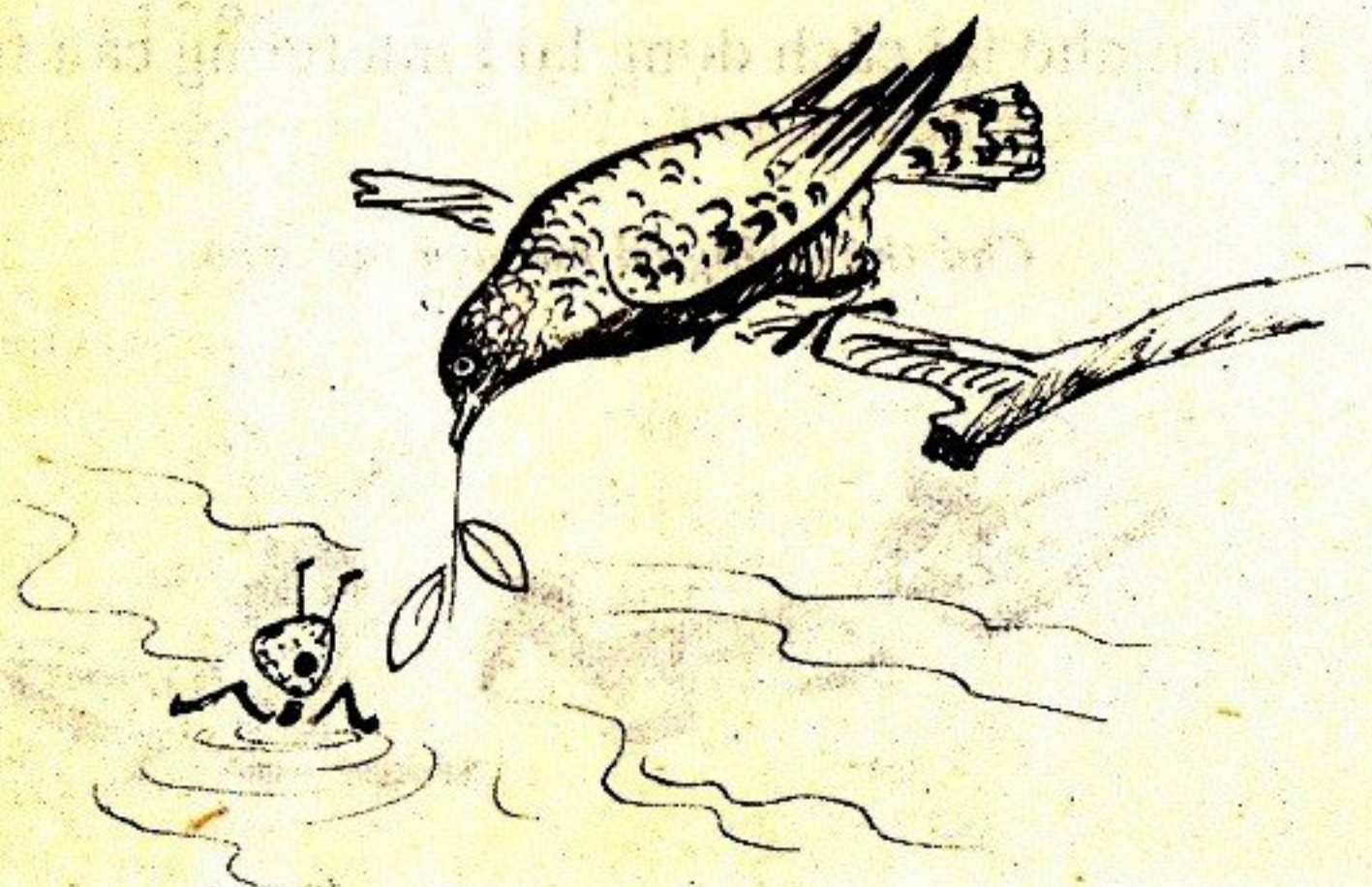
Việc 2: Phân tích hình tượng

Việc 3: Liên tưởng.

Sau khi tiến hành ba việc làm đó, em có thể nhận ra nghĩa bóng của hình tượng văn.

Bài mẫu

KIỆN VÀ CHIM BỒ CÂU



Kiến tìm xuống suối: nó khát nước. Sông nước trào lên cuốn kiến đi và suýt nữa chìm chết nó. Bồ câu đang tha cành cây; chim nhìn thấy kiến chết đuối đến nơi, bèn thả cành cây xuống suối cho kiến. Kiến bò được lên cành cây và thoát chết.

Về sau, người thợ săn chăng lưới bắt bồ câu và sắp chụp lưới. Kiến bò đến chỗ bác thợ săn, dót vào chân bác ta. Người thợ săn giật mình đánh rơi lưới. Bồ câu cất cánh và bay thoát.

Em làm những việc sau:

Việc 1: Dựng hình tượng.

1. Em đọc thầm bài văn và tìm hiểu các từ ngữ: suối, sông nước trào lên, chết đuối, chăng lưới, chụp lưới, giật mình.

2. Em tái hiện lại các hình ảnh sau:

- Sông nước trào lên cuốn kiến đi và suýt chìm chết nó.
- Bồ câu thả cành cây xuống cứu kiến.
- Kiến cứu bồ câu thoát lưới của bác thợ săn.

3. Em kể lại toàn bộ truyện "Kiến và chim bồ câu" theo lời kể của:

- a) Kiến
- b) Chim bồ câu.

Việc 2: Phân tích hình tượng.

1. Truyện có mấy nhân vật?

2. Em đoán và nói ra những ý nghĩ của các nhân vật:

a- Bò câu khi thấy kiến bị nước cuốn đi, nó nghĩ gì? Tại sao nó lại thả cành cây xuống dòng suối?

b- Khi thấy bò câu sắp bị nạn, kiến nghĩ gì? Bằng cách nào kiến đã giúp bò câu thoát nạn?

3. Nói nhận xét của em về các nhân vật: bò câu và kiến.

Việc 3: Liên tưởng, tìm nghĩa bóng.

1. Liên tưởng là gì?

Liên tưởng là từ một sự việc này ta nghĩ tới những sự việc khác tương tự hoặc có liên quan.

2. Tìm những liên tưởng từ bài "Kiến và chim bồ câu".

a- Các nhân vật kiến và chim bồ câu gợi cho em liên tưởng tới những người như thế nào?

b- Bài "Kiến và chim bồ câu" gợi cho em liên tưởng tới những chuyện gì vẫn xảy ra trong cuộc sống xung quanh em? (Hoặc làm em nghĩ tới những truyện dân gian nào em đã học ở lớp Hai?)

3. Tìm nghĩa bóng của bài

a- Nghĩa bóng là gì?

Nghĩa bóng là nghĩa ẩn của bài.

b- Em tìm nghĩa ẩn của bài "Kiến và chim bồ câu"

(Hỏi cách khác: Qua bài "Kiến và chim bồ câu" tác giả muốn nói với chúng ta điều gì?)

Bài một

TÌM NGHĨA BÓNG TRONG TỤC NGŨ

Bài mẫu:

MỘT CON NGỰA ĐAU/ CÁ TÀU BỎ CỎ/



Em làm các việc sau:

Việc 1: Dựng lại hình tượng

1. Đọc thuộc lòng câu tục ngữ

2. Tìm hiểu nghĩa các từ: đau; cá tàu; bỏ cỏ.

3. Kể ra những điều em hình dung thấy sau khi đọc câu tục ngữ trên.

Việc 2: Phân tích hình tượng.

1. Tìm *nhịp* của tục ngữ

a- Câu tục ngữ trên có nhịp không? Em lấy bút chì gạch nhịp.

b- Nhịp chia câu tục ngữ thành mấy vế?

c- Nhận xét về hai vế của câu tục ngữ.

(- Hai vế có đối nhau không?

- Đối như thế nào?

- Phép đối như vậy có tác dụng gì?)

2. Tìm vần của tục ngữ.

a- Câu tục ngữ trên có vần không? Em lấy bút chì gạch chân những tiếng ăn vần.

b- Em nhận xét về cách gieo vần trong tục ngữ (Vần chân hay vần lưng?)

c- Cách nói có vần trong tục ngữ có tác dụng gì?

3. Tìm hình ảnh trong tục ngữ.

a- Câu tục ngữ trên có hình ảnh không? Em hình dung thấy hình ảnh gì sau khi đọc câu tục ngữ đó?

b- Cách nói bằng hình ảnh như vậy có tác dụng gì?

4. Em đọc thầm lại cả câu tục ngữ và cho biết:

Vì sao "Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ"?

Việc 3: Liên tưởng, tìm nghĩa bóng.

1. Liên tưởng là gì?

2. Tìm những liên tưởng từ câu tục ngữ mẫu.

Gợi ý:

- Một chiến sĩ bị thương...

- Thầy giáo bị ốm...

- Mẹ bị mệt...

- Bạn gặp khó khăn trong học tập...

3. Tìm nghĩa bóng:

Từ những liên tưởng trên, em cho biết:

a- Nghĩa bóng của hình ảnh "Một con ngựa đau" là gì?

b- Nghĩa bóng của hình ảnh "Cả tàu bỏ cỏ" là gì?

c- Nghĩa bóng của cả câu tục ngữ "Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ" là gì?

Ghi nhớ

1. Tục ngữ là lời nói ngắn gọn, có nhịp, có vần và có hình ảnh.

2. Mỗi câu tục ngữ chứa đựng một nhận xét và một kết luận của nhân dân ta về những sự việc xảy ra trong đời sống hàng ngày.

LUYỆN TẬP, CÙNG CỐ:

1. Ghi lại câu tục ngữ mới học.

2. Đánh dấu chỗ rơi nhịp và chỗ ăn vần của câu tục ngữ đó.

3. Câu tục ngữ nói bằng hình ảnh như thế nào?

4. Từ hình ảnh đó, em liên tưởng tới những hình ảnh nào khác?

5. Câu tục ngữ cho em lời khuyên gì?

NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP

I.

1. Cắt dây bầu | dây bí | ai nỡ cắt | dây chi | dây em. 3/2
2. Anh em | thuận hòa | là nhà | có phúc. 2
3. Khôn ngoan | đá đáp | người ngoài |
Gà cùng | một mẹ | chớ hoài | đá nhau. 2

Nhiệm vụ của em.

1. Đọc và tìm vần - nhịp của các câu tục ngữ trên.
2. Đọc và mô tả lại những hình ảnh được tạo ra từ những câu tục ngữ trên.
3. Đặt tên chung cho cả ba câu tục ngữ. Tại sao em chọn đặt tên đó?
4. Nghĩ ra một hoàn cảnh để có thể dùng một trong những câu tục ngữ trên làm một lời khuyên.

II.

1. Công cha | như núi | Thái Sơn |
Nghĩa mẹ | như nước | trong nguồn | chảy ra.
2. Cá chuối | dăm đuôi | vì con.
3. Con có cha | như nhà | có nóc.
4. Con có mẹ | như măng | ấp bẹ.

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc và tìm vần - nhịp của các câu tục ngữ trên.
2. Đặt tên chung cho cả bốn câu tục ngữ đó.
3. Tìm một hoàn cảnh có thể dùng một trong bốn câu tục ngữ trên làm một lời khuyên.

III.

1. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
2. Uống nước nhớ nguồn
3. Qua sông nhớ người đưa thuyền.

Nhiệm vụ của em

1. Em nhận xét về vần và nhịp của những câu tục ngữ trên.
2. Em đặt tên chung cho cả ba câu tục ngữ đó.
3. Khi nào thì con người dùng những câu tục ngữ đó làm một lời khuyên, hoặc lời chê?

IV.

1. Có công mài sắt, có ngày nên kim
2. Nước chảy đá mòn
3. Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

Nhiệm vụ của em

1. Nhận xét về vần và nhịp của các câu tục ngữ trên.

2. Em đọc thầm và tìm nhanh nghĩa bóng của từng câu tục ngữ.

3. Em đặt một tên chung cho cả ba câu tục ngữ đó.

4. Em thích câu tục ngữ nào nhất? Hãy nghĩ ra một hoàn cảnh để có thể dùng câu tục ngữ đó làm một lời khuyên.

V.

1. Ăn có nhai, nói có nghĩ.

2. Gân mực thì đen, gân đèn thì rạng

3. Dối cho sạch, rách cho thơm.

4. Chết trong hơn sống đục.

5. Áo rách khéo vá hơn lành vụng may

6. Một sự nhịn, chín sự lành.

Nhiệm vụ của em

1. Đọc thầm và nói nhanh nghĩa bóng của từng câu

2. Em cho biết: Khi nào thì còn người dùng những câu tục ngữ trên làm một lời khuyên? (Nói dần từng câu)

3. Em thích câu tục ngữ nào nhất? Vì sao?

4. Em không thích câu tục ngữ nào? Vì sao?

NHỮNG BÀI ĐỌC THÊM

I.

1. Chị ngã, em nâng

2. Tay đứt, ruột xót

3. Máu chảy, ruột mềm.

II.

1. Học ăn học nói, học gói học mở

2. Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm.

3. Cái nết đánh chết cái đẹp

4. Tốt danh hơn lành áo

5. Ăn trông nồi, ngồi trông hướng.

6. Đi một quãng đường, học một sàng khôn.

III.

1. Chim có tổ, người có tông

2. Ngựa chạy có bầy, chim bay có bạn

3. Không thầy đố mày làm nên

4. Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

IV.

1. Biết thì thua thốt, không biết dựa cột mà nghe.

2. Kim vàng ai nỡ uốn câu,

Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.

3. Rượu nhạt uống lắm cũng say,

Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm.

thuongmaitruongxa.vn

1. Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước

2. Chuồn chuồn bay thấp, mưa ngập bờ ao

Chuồn chuồn bay cao, mưa rào lại tạnh

3. Chớp thùng chớp chảo, chẳng bão thì mưa.

KIỂM TRA CUỐI BÀI

Tập nói miệng

1. Em nghe và nói lại: **Chị ngã em nâng**

2. Em nhận xét vần và nhịp của câu tục ngữ đó.

3. Từ hình ảnh "Chị ngã em nâng" em liên tưởng tới những hình ảnh nào khác?

4. Câu tục ngữ đó khuyên em điều gì?

Tập viết bài (Đề tự chọn)

Đề 1: Em viết lại một câu chuyện có thể dùng câu tục ngữ "Chị ngã em nâng" làm một lời khuyên.

Đề 2: Em tìm nghĩa bóng của câu tục ngữ sau:

"Chết trong còn hơn sống đục". Em viết ra một câu chuyện mang ý nghĩa của câu tục ngữ đó.

Bài hai

TÌM NGHĨA BÓNG TRONG CA DAO

Bài mẫu:

CON CÒ MÀ ĐI ĂN ĐÊM

Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.



Em làm các việc sau

Việc 1: Dựng lại hình tượng

1. Em đọc bài ca dao (chú ý tới vần và nhịp)

2. Em tìm hiểu các từ ngữ:

Đi ăn đêm - cành mềm - ông vớt tôi nao

Tôi có lòng nào - xáo măng - đau lòng.

3. Em dựng lại toàn bộ hình tượng con cò trong bài ca dao.

Việc 2: Phân tích hình tượng

1. Hình tượng trung tâm của bài ca dao là gì?

2. Phân tích hình tượng "con cò"

a- Em hình dung thấy cảnh đời của cái cò ra sao? Vất vả hay nhàn hạ? Đói nghèo hay no đủ? Bình yên hay bất trắc? Những hình ảnh nào trong bài cho em hiểu điều đó?

b- Em hiểu tâm tình của cái cò như thế nào qua lời van xin của nó khi gặp nạn?

(Hình ảnh "nước trong", "nước đục", mang ẩn ý gì?)

3. Hình tượng cái cò trong bài ca dao gây nên trong lòng em tình cảm gì?

(Có gì làm em thương cảm?

Có gì làm em cảm phục?)

Việc 3: Liên tưởng - tìm nghĩa bóng.

1. Từ hình ảnh cái cò trong bài ca dao, em liên tưởng tới hình ảnh của ai?

2. Em hiểu gì về đời sống, tâm tình của người nông dân ngày xưa qua hình ảnh cái cò?

3. Nghĩa bóng của bài ca dao là gì?

Ghi nhớ

- Ca dao là một thể thơ dân gian cổ truyền của dân tộc

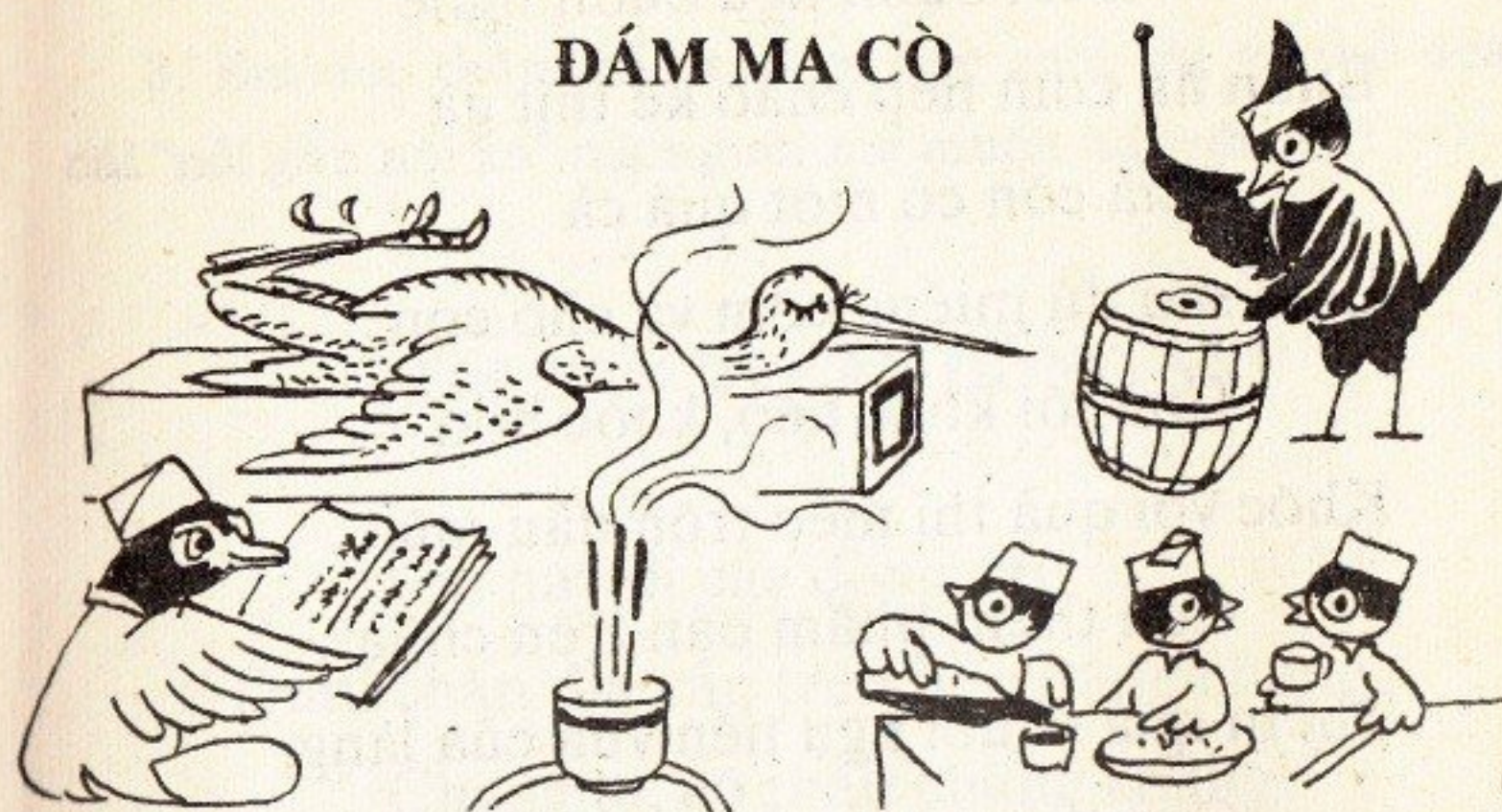
- Ca dao thường làm theo thể thơ lục bát: có vần (vần ở chân và lưng) và có nhịp (nhịp đôi).

- Mỗi bài ca dao chứa đựng một tâm tình của con người.



NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP

ĐÁM MA CÒ



Cái cò chết rũ trên cây
Bồ câu mở lịch xem ngày làm ma

Cà cuống uống rượu la đà
Chim ri riu rít nhảy ra chia phần

Chào mào thì đánh trống quân
Chim chích cỏi trần vác mỗ đi rao.

Nhiệm vụ của em

1. Đọc và tìm vần, nhịp của bài
2. Dựng lại hình tượng đám ma cò. Qua hình tượng đó, em hiểu gì về đời sống và những hủ tục của nông thôn ngày xưa?
3. Tìm nghĩa bóng của bài.

NỖI GẦN NỖI XA

Con tôi buồn ngủ buồn nghe
Buồn ăn cơm nếp cháo kê thịt gà
Nhà còn có một quả cà
Làm sao đủ miếng cơm và cho con
Con tôi khóc héo, khóc hon
Khóc vùi quả thị méo tròn đầu mùa
Con thêm phẩm oản trên chùa
Thêm quả chuối ngự tiến vua của làng
Con thêm hạt cốm làng Ngang
Con thêm ăn quả dưa gang chợ Quài
Con thêm cả nác canh khoai
Con thêm xớ mít thêm tai quả hồng.
Con thêm vẩy cá, cùi bông
Thêm râu tôm tảo, thêm lòng bí đao
Ru con lòng mẹ nao nao
Thương con mà dạ khát khao trăm phần
Mai ngày con lớn lên dần
Thì con sẽ hiểu nỗi gần nỗi xa...

Nhiệm vụ của em

1. Đọc và tìm vần, nhịp của bài

2. Em hình dung và kể về người hát ru và người được ru trong bài ca dao

(Cuộc sống và tâm tình của họ ra sao?)

3. Em đọc thầm bốn câu ca dao cuối bài và thử đoán ra cái "nỗi gần nỗi xa" mà người mẹ muốn nói với con?

EM NAY ĐI CẮY ĐỒNG SÂU

Em nay đi cấy đồng sâu
Dưới chân đĩa cấn trên đầu nắng chang
Chàng ơi, có thấu chăng chàng?
Một hạt thóc vàng biết mấy công lênh.



Nhiệm vụ của em

1. Đọc và tìm vần, nhịp của bài.
2. Bài ca dao trên là lời của ai? Nó với ai? Nói điều gì?
3. Tìm nghĩa bóng của bài

LAO XAO GÀ GÁY RẠNG NGÀY

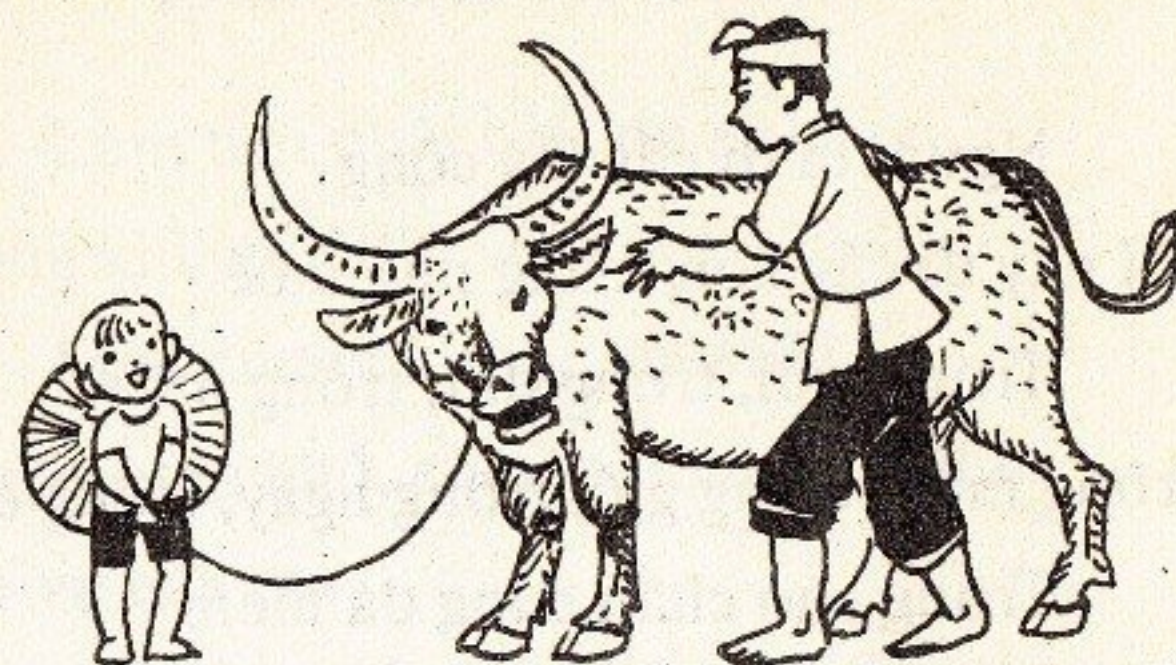
Lao xao gà gáy rạng ngày
Vai vác cái cày tay dắt con trâu
Bước chân xuống cánh đồng sâu
Mắt nhắm mắt mở đánh trâu đi cày
Ai ơi bung bát cơm đầy
Nhớ công hôm sớm cấy cày cho chăng.



Nhiệm vụ của em

1. Đọc và tìm vần, nhịp của bài.
2. Tìm những hình ảnh, chi tiết mô tả cảnh làm việc vất vả của người nông dân
3. Đọc thầm hai câu cuối. Đó là lời của ai muốn nói với ai? Nói điều gì?
4. Tìm nghĩa bóng của bài.

TRÂU ƠI TA BẢO TRÂU NÀY



Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cấy cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây trâu đấy ai mà quản công
Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

Nhiệm vụ của em

1. Đọc và tìm vần, nhịp của bài.
2. Đọc và tìm những từ ngữ, hình ảnh diễn tả mối quan hệ thân thiết, gắn bó giữa người nông dân với con trâu của mình.
3. Mối quan hệ khăng khít đó (người nông dân và con trâu) nói lên điều gì?

NGƯỜI TA ĐI CẮY...

Người ta đi cấy lấy công
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề
Trông trời, trông đất, trông mây
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm
Trông cho chân cứng đá mềm
Trời yên, bể lặng mới yên tâm lòng.



Nhiệm vụ của em

1. Đọc và tìm vần, nhịp của bài.
2. Hình ảnh người nông dân hiện lên trong bài ca dao này như thế nào?

(Đời sống của họ ra sao? Họ phải lo toan những gì? Họ mong ước điều gì?)

3. Tìm nghĩa bóng của bài.

LÀM TRAI PHẢI BIẾT...

Làm trai phải biết đủ nghề
Phòng khi cơ lỡ thì về mót khoai
Mót được củ chạc, củ chài
Củ dất lưng khố, củ nhai nhồm nhoàm.

Nhiệm vụ của em

1. Đọc và tìm vần, nhịp của bài.
2. Em hình dung thấy con người trong bài ca dao này như thế nào? Có gì mâu thuẫn trong lời nói và việc làm của anh ta?
3. Tác giả đã mô tả anh chàng "mót khoai" trong bài ca dao này với thái độ như thế nào?
4. Em tìm nghĩa bóng của bài.

GIẾU NGƯỜI LƯỜI

1. Bận ngày còn mãi đi chơi
Tối lặn mặt trời đổ thóc vào xay
2. Làm trai cho đáng nên trai
Khom lưng uốn gối gánh hai hạt vừng

Nhiệm vụ của em

1. Đọc và tìm vần, nhịp của hai bài ca dao trên.
2. Hai bài ca dao đó nói về ai? Nói với một giọng như thế nào?
3. Em rút ra lời khuyên gì qua hai bài ca dao đó?

NHỮNG BÀI ĐỌC THÊM

1. Cái cò chết tối hôm qua
Có một hạt gạo với ba đồng tiền.
Một đồng thuê trống thuê kèn,
Một đồng mua mỡ đốt đèn thờ vong.
Một đồng mua mỡ rau rong,
Dem về thái nhỏ thờ vong con cò.

2. Cái cò, cái vạc, cái nông,
Sao mày dẫm lúa nhà ông hời cò?
Không, không, tôi đứng trên bờ
Mẹ con nhà nó đổ mồ cho tôi.
Chẳng tin ông cứ lại coi
Mẹ con nhà nó còn ngồi đằng kia.

3. Tò vò mà nuôi con nhện,
Đến khi nó lớn nó quện nhau đi.
Tò vò ngồi khóc tỉ tỉ,
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện đi đằng nào?

4. Con mèo mà trèo cây cau
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?
Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo.

KIỂM TRA CUỐI BÀI

Kiểm tra miệng

1. Em đọc diễn cảm bài ca dao sau:

Ai về tôi gửi buồng cau

Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy

Ai về tôi gửi đôi giày

Phòng khi mưa gió để thầy mẹ đi.

2. Em giải thích về vần và nhịp của bài.

3. Em dựng lại hình tượng chứa trong bài

4. Em tìm nghĩa bóng của bài.

Kiểm tra viết (Chọn một trong hai đề)

Đề 1: Em chép lại một bài ca dao. Em tưởng tượng nhân vật trong bài ca dao đó gặp em. Nhân vật đó nói gì với em? Em ghi lại.

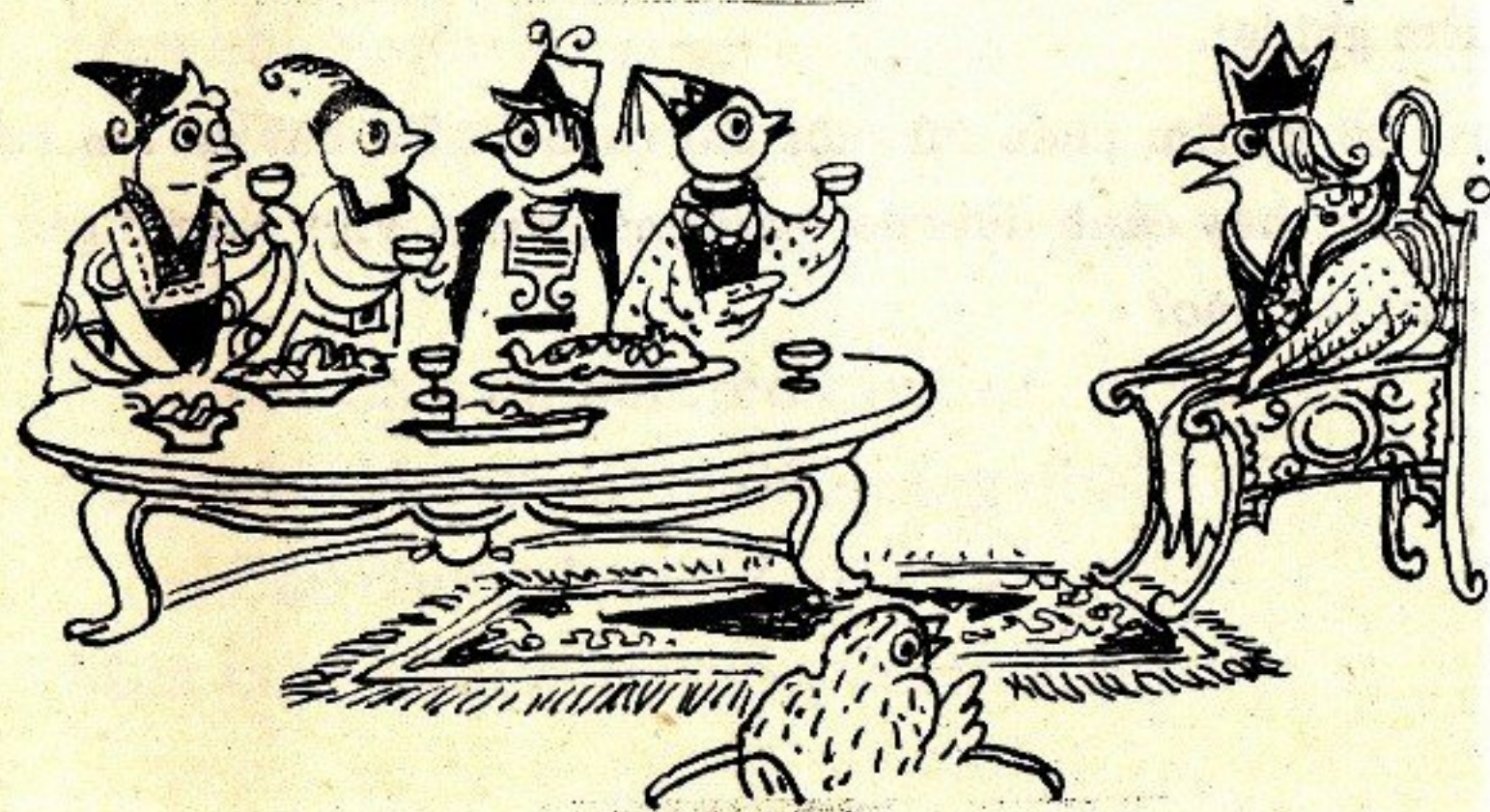
Đề 2: Em chép lại một bài ca dao. Từ bài đó em tưởng tượng thấy cảnh đời của người nông dân Việt Nam ngày xưa như thế nào?

TÌM NGHĨA BÓNG TRONG TRUYỆN NGỤ NGÔN

Bài mẫu

BỘ LÔNG MƯỢN

Vua loài chim là phượng hoàng ăn mừng sinh nhật. Trăm loài chim kéo nhau đến chúc mừng. Con nào con nấy lông óng mượt, lông lẩy. Chỉ chú chim cú là nghèo nàn, mặc bộ nâu sồng xơ xác. Trời rét, cú run cầm cập luôn miệng kêu than. Phượng hoàng thương tình ra lệnh cho chim khách báo cho các loài chim mỗi con tặng cú một chiếc lông.



Lệnh truyền đi, trăm chim vui vẻ nghe theo. Cút liền có bộ áo đẹp rực rỡ. Từ đó cút sinh ra kiêu ngạo, đi đâu cũng nói rằng: "Sau phượng hoàng thì phải kể đến cút".

Trăm chim tức giận, đòi lông lại. Thế là cút chỉ còn lại bộ nâu sồng xơ xác. Suốt ngày nó rứt cổ, nấp mình trong bụi cỏ không dám đi đâu, miệng kêu "cun cút" nghe rất thảm.

Em làm các việc sau

Việc 1: Dựng lại hình tượng

1. Em đọc và tìm hiểu các từ ngữ: bộ nâu sồng; xơ xác, kêu than; kiêu ngạo; thương tình; rất thảm.

2. Em dựng lại hình tượng chim cú trong truyện.

Gợi ý:

a- Ngày sinh nhật phượng hoàng, cú đã xuất hiện trong bộ quần áo như thế nào?

b- Vì sao cú có được bộ quần áo lông lẩy?

c- Vì sao cú trở lại xấu xí như lúc ban đầu?

d- Em kể lại chuyện "Bộ lông mượn" theo lời kể của chim cú.

Việc 2: Phân tích hình tượng chim cú.

1. Chim cú vốn có một bộ quần áo như thế nào? Em đoán ra ý nghĩ của chim cú khi nhìn thấy những bộ quần áo lông

lấy của các loài chim?

Em đoán ra ý nghĩ của Phượng hoàng khi nhìn thấy bộ "nâu sồng xơ xác" của chim cú?

2. Vì sao cú trở nên kêu ngạo? Sự kêu ngạo đó có nên không?

3. Vì sao cú bị trừng phạt? Hãy đoán và nói ra một câu ý nghĩ của nó khi: "Suốt ngày nấp trong bụi cỏ, không dám đi đâu, miệng kêu "cun cú" nghe rất thảm.

Việc 3: Liên tưởng

1. Hình ảnh chim cú làm em liên tưởng tới những người có tính cách như thế nào? Em kể về những người như thế cho các bạn cùng nghe.

2. Những người như chim cú có chỗ nào đáng thương? Chỗ nào đáng giận?

3. Nghĩa bóng của truyện là gì?

Ghi nhớ

Nhân vật trong truyện ngụ ngôn thường là các con vật, đồ vật. Các nhân vật đó có những hoạt động và suy nghĩ tương tự như con người.

Truyện ngụ ngôn rất thuận tiện để các em tập tìm nghĩa bóng với những thao tác đã biết.

Nghĩa bóng của truyện ngụ ngôn nằm trong lời khuyên được rút ra sau mỗi truyện.

NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP

RÙA VÀ THỎ

Trời mùa thu mát mẻ. Bên bờ sông một con rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ trông thấy, mỉa mai Rùa:

- Đồ chậm như sên! Mà cũng đòi tập chạy à?

Rùa đáp:

- Anh đừng giễu tôi! Anh với tôi thử chạy thi xem nào. Thỏ vênh tai lên tự đắc:

- Được được! Mà dám chạy thi với ta? Ta chấp mày một nửa đường đó!

Rùa không nói gì, chỉ cố sức chạy thật nhanh, thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ: "đợi rùa gần tới đích, ta phóng cũng vừa".

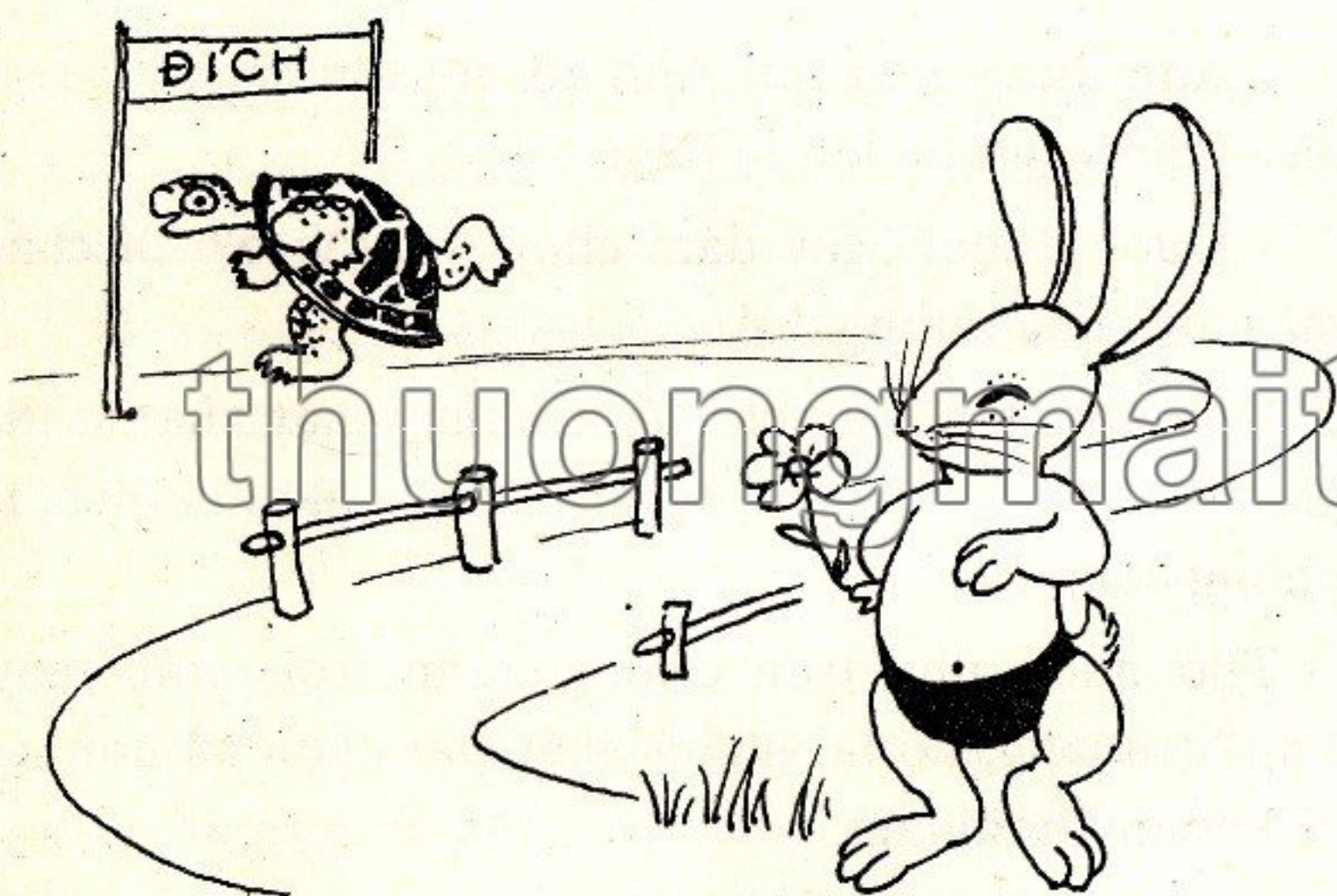
Thỏ nhón nhó trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng, nó lại nhăm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm.

Bỗng nó nghĩ đến cuộc thi, ngẩng đầu lên thì thấy rùa đã chạy gần đến đích. Nó cố chạy miết nhưng không kịp nữa, rùa đã tới đích trước rồi.

LA-PHÔNG-TEN

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc và kể lại truyện.
2. Em đoán và nói ra ý nghĩ của thỏ khi thấy rùa tập chạy? Khi chấp nhận cuộc chạy thi với rùa?
3. Tại sao rùa dám chạy thi với thỏ? Tại sao rùa thắng thỏ?
4. Em rút ra bài học gì qua truyện ngụ ngôn này?



TRÍ KHÔN

Ngày xưa, có một người đi cày, quất tháo, đánh đập con trâu thế nào trâu cũng phải chịu. Con hổ ngồi trên bờ nom thấy, mới hỏi trâu rằng:

- Trâu kia! Mày to lớn nhường ấy, sao mày để người đánh đập như thế?

Trâu nói:

- Người bé, nhưng người có trí khôn!

Hổ lấy làm lạ, không biết trí khôn là gì, mới hỏi người rằng:

- Người kia, trí khôn người đâu, cho ta xem!

Người nói:

- Trí khôn ta để ở nhà.

- Người về lấy mang ra đây đi!

- Ta về, rồi hổ ăn mất trâu của ta thì sao? Hổ thuận cho ta trói lại thì ta về lấy cho mà xem.

Hổ muốn xem, thuận để trói. Trói xong, người lấy bấp cây vừa phang vào lưng hổ, vừa nói:

- Trí khôn của ta đây! Trí khôn của ta đây!

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc và kể lại truyện.
2. Tìm đặc điểm của các nhân vật: hổ, trâu và người.
3. Người và vật trong truyện khác nhau ở điều gì quan trọng nhất?
4. Tìm nghĩa bóng của truyện.

CHIM KHÁCH VÀ QUẠ

Chim khách đến đậu ở một nhà kia. Chim khách kêu lên mấy tiếng:

- Khách! Khách! Khách!

Chủ nhà nghe thấy mừng rỡ bảo con:

- Chim khách kêu là có truyện vui. Con lấy nắm thóc cho nó.

Giữa lúc đó đàn quạ bay qua. Thấy chim khách ăn thóc, quạ hỏi:

- Anh chim khách ơi! Sao người ta cho anh ăn ngon thế?

Chim khách nói:

- Có gì đâu, tôi vừa hót trước cổng báo tin vui cho họ.

Quạ nói:

- Thật thế ư?

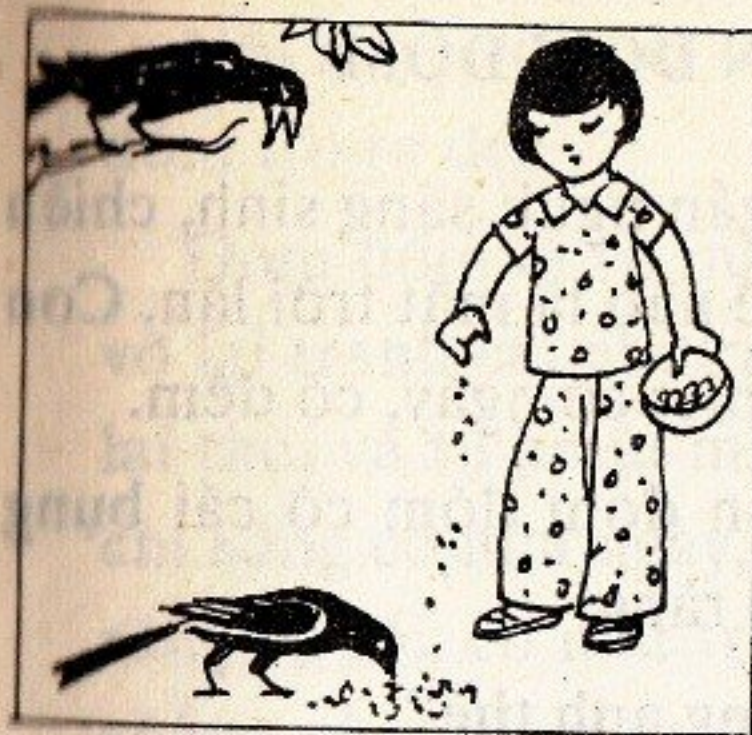
Chim khách:

- Thật thế. Tôi cú đậu trước ngõ, hót ba tiếng.

Quạ:

- Tưởng gì, chứ như vậy tôi cũng làm nổi.

Nói xong, quạ bay sang nhà bên cạnh, đậu trước nóc nhà và cũng kêu ba tiếng:



- Quà! Quà! Quà!

Tiếng kêu vừa dứt, chủ nhà đã vác đòn ra đuổi và lấy đất ném quạ tới tấp.

Hôm sau, quạ tìm chim khách, trách chim khách đã đánh lừa mình. Chim khách trả lời:

- Tôi có nói anh bắt chước tôi đâu? Tôi kêu là báo tin vui, tin mừng. Còn anh kêu là báo tin có xác chết. Hai tiếng kêu khác hẳn nhau. Hai đảng chúng ta khác hẳn nhau.

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc và kể lại truyện.
2. Chim khách khác quạ ở chỗ nào?
3. Sai lầm của quạ là gì? (Vì sao khi bắt chước chim khách thì quạ bị xua đuổi?)
4. Truyện ngụ ngôn "Chim khách và quạ" khuyên em điều gì?

CON VỜ VÀ CON ĐOM ĐÓM

Ai cũng biết đời con vờ ngắn ngủi: sáng sinh, chiều chết, cả đời nó chẳng biết thế nào là mặt trời lặn. Con đom đóm sống lâu hơn, nên biết có ngày, có đêm.

Một hôm, con vờ thấy con đom đóm có cái bụng sáng xanh, mới hỏi đom đóm rằng:

- Cái gì sáng xanh dưới bụng anh thế?

Đom đóm trả lời:

- Đó là cái đèn của tôi. Khi mặt trời lặn, bóng đêm ập đến, tôi phải nhờ ngọn đèn này mới biết lối bay đi bay lại mà kiếm ăn.

Vờ ngạc nhiên, sững sốt hỏi:

- Sao? Anh bảo có mặt trời lặn, có đêm tối à?

Đom đóm giảng giải:

- Đúng vậy, khi mặt trời lặn thì bóng đêm bao trùm quanh ta, trời đất sẽ tối mù mịt.

Vờ cho là đom đóm bịa đặt lòe mình, mắng đom đóm rằng:

- Anh đừng có lừa dối tôi. Ai mà tin được những bóng đêm bịa đặt của anh? Lẽ đâu lại có mặt trời lặn? Lẽ đâu trời lại không sáng? Tôi đã sống nửa đời con vờ rồi mà vẫn chỉ thấy mặt trời cứ ở trên đầu chúng ta. Kia kìa! Anh lòe tôi sao nổi?

Nói xong vờ giận dỗi bỏ đi, để mặc một mình đom đóm trở ra đó.

Đom đóm bị vờ mắng, bực quá, định chạy theo giữ vờ lại tranh cãi cho ra nhẽ. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại nó lại thôi và tự an ủi mình: "Cái kiếp con vờ của anh ta chỉ sống có nửa ngày, anh ta hiểu sao được chuyện có sáng có tối, có mặt trời lặn. Mình tranh cãi với anh ta chẳng vô ích lắm sao?"

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc và kể lại truyện.
2. Bản chất con vờ và con đom đóm khác nhau ở chỗ nào?
3. Từ hình ảnh con vờ, em liên tưởng tới những người như thế nào trong đời sống thực?
4. Truyện khuyên em điều gì?

THẺNG NÓI DỐI

Một thằng bé chăn cừu và, làm như nhìn thấy chó sói, lên tiếng kêu cứu:

- Cứu tôi với, chó sói! Chó sói!

Các bác nông dân chạy đến và thấy không có chuyện đó. Thằng bé cứ nói dối như vậy hai ba lần, rồi đến lúc xảy ra chuyện chó sói đến thật.

Thằng bé lên tiếng kêu la:

- Ôi làng nước ơi, chó sói!

Các bác nông dân nghĩ là thằng bé lại đánh lừa như mọi lần, họ chẳng đến cứu thằng bé nữa. Chó sói tung hoành cắn chết cả đàn cừu.

LIẾP TÔN XTÔI.

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc và kể lại truyện theo lời kể của chú bé chăn cừu.
2. Những lần đầu khi thấy chú bé chăn cừu kêu lên: "chó sói! chó sói!" các bác nông dân nghĩ gì? Làm gì? Về sau nghe tiếng chú bé kêu cứu, họ nghĩ gì? Làm gì?
3. Em rút ra bài học gì qua truyện ngụ ngôn này?

THẦY BÓI XEM VOI

Năm ông thầy bói ngồi chuyện gẫu với nhau. Thầy nào cũng phân nân không biết hình thù con voi nó ra sao. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biếu người quản voi, xin cho voi đứng lại để các thầy cùng xem. Thầy thì sờ vòi, thầy sờ ngà, thầy thì sờ tai, thầy thì sờ chân, thầy thì sờ đuôi.

Xong xuôi, năm thầy ngồi lại bàn tán với nhau:

Thầy sờ vòi bảo:

- Tưởng con voi nó thế nào, hóa ra nó sun như con đĩa.

Thầy sờ ngà bảo:

- Không phải, nó chần chần như cái đòn càn.

Thầy sờ tai bảo:

- Đâu có! Nó bè bè như cái quạt thóc.

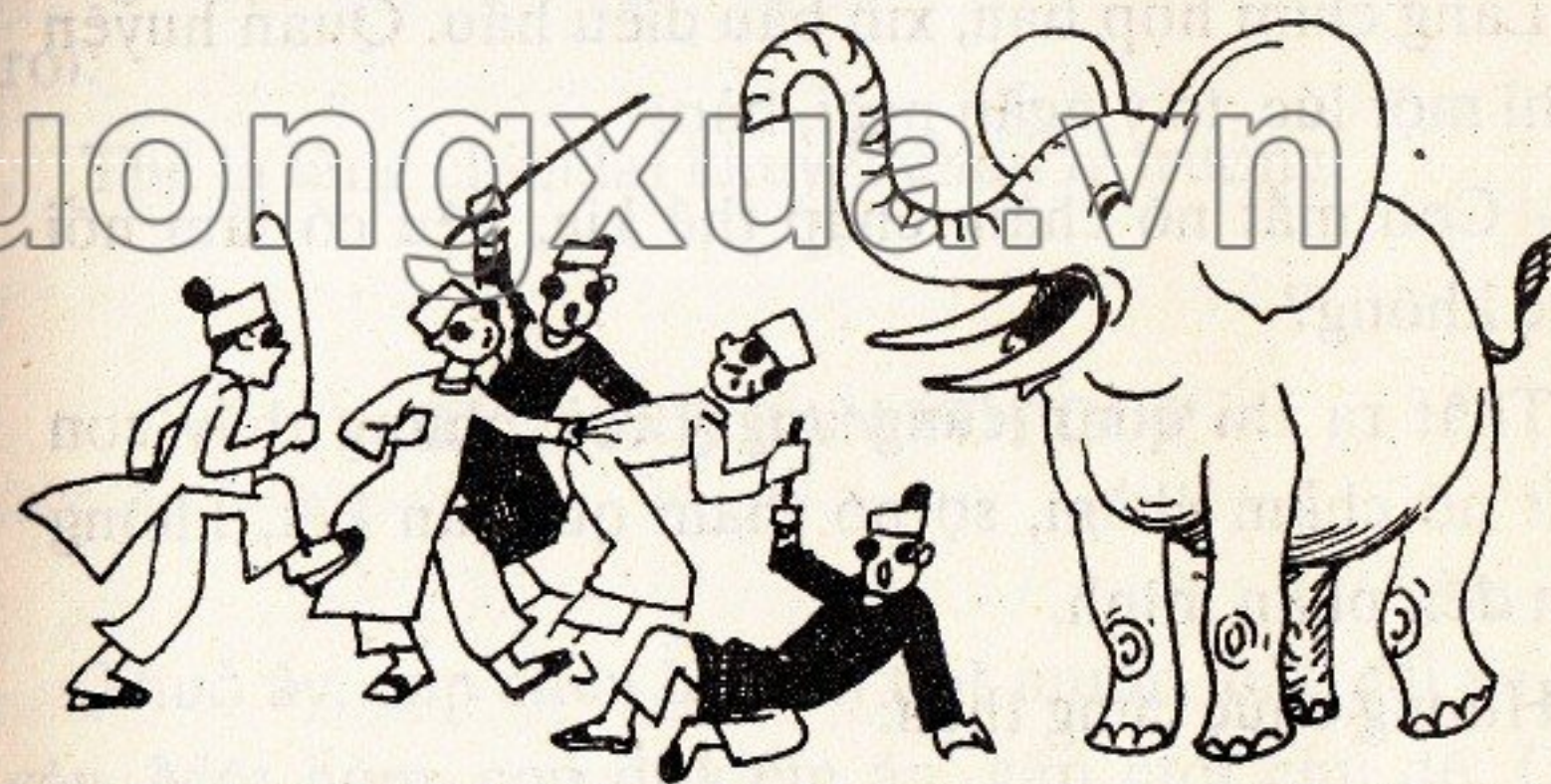
Thầy sờ chân cãi:

- Ai bảo, nó sừng sững như cái cột nhà.

Thầy sờ đuôi lại nói:

- Các thầy nói không đúng cả! Chính nó tua tủa như cái chổi xể cùn...

Năm thầy, thầy nào cũng cho mình nói đúng, không ai chịu ai, thành ra xô xát, đánh nhau toạc đầu chảy máu.



Nhiệm vụ của em:

1. Đọc và kể lại truyện.
2. Tại sao có một con voi mà năm thầy bói nhìn thấy khác nhau? Các thầy đúng ở chỗ nào và sai ở chỗ nào?
3. Em rút ra bài học gì qua truyện ngụ ngôn này?

NHỮNG BÀI ĐỌC THÊM

LÀNG CHIM KHUYẾT CHÂN LÝ TRƯỞNG

Làng chim khuyết chân lý trưởng. Quan huyện bèn gọi làng chim lên, truyền phải bầu một người đủ tư cách làm việc quan.

Hương chúc xin bầu cú, quan thấy cú mặt mũi xấu xí, không bằng lòng quở:

- Lý trưởng gì cái mặt cú vọ!

Lại xin bầu quạ. Quan huyện cũng không chịu, chê quạ ăn xấu, ăn bẩn.

Làng chim họp bàn, xin bầu điều hâu. Quan huyện nghĩ một lúc, tỏ ý ngần ngại, bảo:

- Con mắt nó chăm chớp thế kia, liệu có làm nổi việc không?

Thật ra thì quan cũng ưng ý rồi, nhưng thấy con mắt nó chăm chăm, sợ nó tham quá, ăn hết, không còn đến phần mình.

Hương chúc cùng thưa:

- Bẩm quan, trong bọn chúng tôi, không còn ai có máu mặt nữa. Anh điều hâu, xem chừng dân làng chim ai cũng sợ và việc quan cũng thông, xin quan y cho.

Xin mãi, quan cũng bằng lòng. Quả nhiên, điều

hâu được việc thật. Vừa ra nhậm chức được mấy hôm, thấy gì của ai, nó cũng sà xuống cướp lấy. Nhiều người bị như thế, lấy làm oan ức lắm, rủ nhau lên quan kiện. Quan huyện gọi điều hâu lên. Điều hâu gãi đầu thưa.

- Bẩm quan, chúng nó đem đến biểu con, chú con làm lý trưởng đâu có thêm cướp của chúng nó.

Quan huyện nghe xong, đập bàn quát:

- Chúng nó biểu cho mày, mày tham lam ăn hết, vơ vét như thế không để phần ai. Chẳng những dân làng không tin cậy được mày mà tao cũng vậy. Đưa triện đồng nộp lại đây. Lính đâu, nọc nó ra đánh ba chục roi.

Thế là làng chim lại khuyết chân lý trưởng.

ĐÊ ĐÁNH BẠN VỚI CỌP

Thuở ấy, cọp chưa biết ăn thịt muôn loài, chỉ ăn lá cây. Một hôm, cọp đi kiếm ăn, gặp một chú dê. Dê xin đi theo, nghĩ bụng "theo hâu hạ cọp, đến chỗ nào nhiều cây lá, bách thú cũng nhường cho chúa sơn lâm, chúa ăn không hết thì đến phần mình, chẳng cần tranh giành với ai".

Giữa đường bỗng gặp một con nai. Thấy nai đang đứng ngơ ngẩn, nhìn quẩn nhìn quanh. Cọp bỗng nảy ra một ý ăn lá mai, chán lắm rồi, thử ăn thịt xem sao. Cọp bèn bảo dê:

- Có con nai đằng kia, mày chắc có họ hàng với nó, đến lừa nó lại đây, tao sẽ bắt nó ăn thịt xem có ngon hơn ăn lá không?

Dê muốn tâng công với cọp, chạy tới làm thân với nai rồi rủ nai về phía cọp. Cọp nấp trong bụi lau, nhảy ra vồ lấy nai, xé nai ra ăn thịt và chia cho dê một phần nhỏ.

Cọp ăn hết phần mình, thấy thịt nai ngon, còn phần của dê thì dê chưa gặm được miếng nào, cọp thòm thèm liền bảo:

- Mày họ hàng với nó chắc mày không nỡ ăn thịt nó. Để chỗ đó cho tao.

Nói xong, cọp giành lấy phần của dê ăn ngấu ăn nghiêng. Vẫn chưa đã thèm, cọp nghĩ ngay:

- Chúng nó họ hàng với nhau, chắc thịt dê cũng ngon ngọt như thịt nai, không có nai thì ăn dê vậy.

Dê năn nỉ van xin cọp, nhưng cọp đã ăn quen bén mùi, bây giờ đến lượt dê phải đem mình làm mồi cho cọp.

CON GIUN VÀ CON CÁ

Một người đi câu cá bắt được con giun làm mồi, mắc vào lưới câu, quăng xuống nước. Giun thấy một con cá lượn muốn đớp, lên tiếng bảo:

- Người ta bắt tôi làm mồi để nhử anh. Anh đớp tôi, tôi chết đã đành, nhưng anh mắc câu, liệu anh còn sống được chăng?

Cá nghe nói lấy làm phải, bỏ đi. Một lát, có mấy con cá khác lại bơi đến, toan tranh nhau đớp. Con giun nói lại y như thế. Bầy cá liền tản ra.

Người câu cá ngồi lâu không thấy cá động cho là giun không được mồi, bèn nhắc cần lên, gỡ giun ra quăng đi, thay mồi khác. Con giun nhờ thế khỏi chết mà cả đàn cá cũng khỏi mắc câu.

KIỂM TRA CUỐI BÀI

1. Em đọc truyện ngụ ngôn sau:

Một con chó ở một cái bãi giữa sông. Hai bên bờ sông là hai ngôi chùa. Chuông chùa bên nào vang lên, chó cứ bơi đến là được ăn ngon.

Một hôm, cả hai chùa cùng gióng chuông một lúc. Chó ta liền nhào ngay xuống sông bơi đi kiếm ăn. Nhưng muốn qua chùa bên này lại sợ chùa bên kia có thức ăn ngon hơn. Chó ta lưỡng lự mãi, bơi một quãng về bên này, bơi một quãng về

bên kia,... cứ chơi với giữa sông cho đến khi đuối sức, không vào đến bờ nào cả, chìm ngấm dưới dòng nước.

2. Kiểm tra miệng

a- Em đặt tên cho truyện ngụ ngôn vừa đọc

2. Em rút ra bài học gì qua truyện ngụ ngôn vừa đọc?

3. Kiểm tra viết (chọn một trong hai đề)

Đề 1: Hãy tưởng tượng em là người đứng trên bờ sông và đã quan sát thấy mọi việc xảy ra đối với con chó. Em kể lại truyện đó và nói những suy nghĩ của em.

Đề 2: Em viết lại một truyện ngụ ngôn mà em thích nhất. Truyện ngụ ngôn đó đã cho em bài học gì?



Bài bốn

TÌM NGHĨA BÓNG TRONG TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN

Bài mẫu

ĐẬU PHỤ

Ai cũng biết rằng những người đi tu ở chùa không được ăn thịt chó. Nhưng có một nhà sư nọ lại rất thích ăn thịt chó. Nhà sư thường hay ăn vụng thịt chó ở phòng riêng trong chùa.

Một hôm, chú tiểu trông thấy sư cụ đang ăn thịt chó. Chú giả vờ không biết, hỏi sư cụ:

- Bạch cụ, người dùng bữa ạ?



Sư cụ đáp:

- Mô phật, ta đang dùng bữa.

- Chú tiểu hỏi tiếp:

- Bạch cụ, người dùng bữa với món gì đó ạ?

Sư cụ thản nhiên như không, đáp:

- Đậu phụ.

Đúng lúc đó có tiếng chó cắn nhau ngoài cổng chùa. Sư cụ hỏi chú tiểu:

- Có chuyện gì âm ỉ ngoài cổng chùa thế. Chú?

Chú tiểu cũng thản nhiên như không, đáp:

- Bạch cụ, đậu phụ làng cắn đậu phụ chùa ạ.

Em làm các việc sau:

Việc 1: Dựng hình tượng

1. Em đọc truyện "Đậu phụ"

2. Em tìm hiểu một số từ ngữ sau: đi tu; chú tiểu; sư cụ; bạch cụ; thản nhiên; dùng bữa.

3. Em dựng lại cốt truyện

Gợi ý:

a- Em tưởng tượng ra nét mặt của sư cụ khi đang ăn thịt chó bỗng thấy chú tiểu đi vào.

b- Em tưởng tượng ra nét mặt của chú tiểu khi nghe sư cụ trả lời: "Đậu phụ". Em đoán ra ý nghĩ của chú tiểu khi đó.

c- Em nói ý nghĩ của sư cụ khi hỏi chú tiểu: "Có chuyện gì âm ỉ ngoài cổng chùa thế, chú?"

(Sư cụ có biết ngoài cổng chùa chó đang cắn nhau không? Nếu biết tại sao sư cụ vẫn hỏi).

d- Em kể lại toàn bộ truyện "Đậu phụ" theo gợi ý trên.

Việc 2: Phân tích hình tượng

1. Truyện có mấy nhân vật? Trong chùa, mối quan hệ giữa các nhân vật đó ra sao?

2. Nhân vật sư cụ

a- Ở sư cụ có điều gì trái với lẽ thường?

b- Sư cụ đã trả lời câu hỏi của chú tiểu với thái độ như thế nào? Sự thản nhiên đó em hiểu gì về bản chất của sư cụ?

3. Nhân vật chú tiểu

a- Khi thấy sư cụ ăn thịt chó, chú tiểu nghĩ gì?

b- Sự thông minh của chú tiểu thể hiện ở chỗ nào?

c- Nếu sự thản nhiên của sư cụ chứng tỏ sư cụ giỏi lừa bịp thì sự thản nhiên của chú tiểu khi nói "Đậu phụ làng cắn đậu phụ chùa", chứng tỏ điều gì?

Việc 3: Tìm nghĩa bóng

1. Vì sao truyện "Đậu phụ" làm em buồn cười?

2. Tính cách của các nhân vật trong truyện cười có đặc điểm gì? Khi nào thì tiếng cười trong truyện xuất hiện?

3. Tiếng cười trong truyện "Đậu phụ" có tác dụng gì? Đó có phải là nghĩa bóng của truyện không?

NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP

MUA KÍNH

Anh nọ, dốt đặc cán mai, thấy các ông bà già đeo kính đọc sách, bắt chước ra chợ mua một đôi.

Vào hiệu, anh ta bảo chủ hiệu đem kính ra chọn. Anh ta đeo kính vào, lấy đơn thuốc ra xem, xem xong lại bảo chủ hiệu lấy ra đôi khác. Chủ hiệu chiều ý, chọn cho anh ta năm sáu đôi, nhưng đôi nào anh ta cũng không ưng ý. Chủ hiệu bèn chọn một đôi tốt nhất trong hiệu đem ra. Anh kia đeo vào, lại lấy đơn thuốc ra xem, vẫn lắc đầu chê xấu. Chủ hiệu lấy làm lạ, liếc thấy anh ta cầm đơn ngược mà xem, sinh nghi, liền hỏi:

- Sao đôi nào bác cũng chê xấu cả?

Anh ta đáp:



- Xấu thì bảo xấu chứ sao! Kính tốt thì tôi đã xem được chữ rồi.

Chủ hiệu nói:

- Hay là bác không biết chữ?

Anh ta đáp:

Biết chữ thì đã không cần kính.

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc và kể lại truyện "Mua kính"

2. Em diễn tả theo sự tưởng tượng của em:

a- Vẽ mặt của anh chàng đi mua kính.

b- Vẽ mặt của anh chủ hiệu kính khi có khách đến mua hàng. Hai người lúc đầu đã nói với nhau những gì?

c- Ý nghĩ của anh chủ hiệu kính khi thấy ông khách chọn kính mãi mà vẫn không ưng?

3. Truyện cười "Mua kính" giễu những hạng người như thế nào?

NÓI CỐ ĐẦU CỐ ĐUÔI

Một lão nhà giàu thích làm bộ cao sang trước khách khứa. Lão thích được người trong nhà thưa gửi trịnh trọng. Nhưng anh đầy tớ nhà lão lại rất bộp

chộp, thấy gì nói nấy, gặp đâu nói đó, chẳng có đầu có đuôi gì cả. Lão nhà giàu mới gọi anh ta lại và bảo:

- Mày ăn nói chẳng có đầu có đuôi gì cả, người ta cười cho cả tao lẫn mày. Từ rày nói cái gì thì phải nói cho có đầu có đuôi, nghe không?

Anh đẩy tờ văng văng dạ dạ.

Một hôm, lão nhà giàu mặc quần áo sắp sửa đi chơi. Đang hút thuốc thì thấy anh đẩy tờ chấp tay trình trọng nói:

- Thưa ông, con tằm nó nhả ra tơ. Người ta mang tơ bán cho người Tàu. Người Tàu đem dệt thành áo. Hôm nay ông mặc áo, ông hút thuốc. Tàn nó rơi vào áo ông, và áo ông đang cháy.

Lão nhà giàu giắt mình nhìn xuống áo thì đã cháy to bằng bàn tay rồi.

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc và kể lại truyện.

2. Các nhân vật chủ và tớ trong truyện này có đối lập nhau về mặt tính cách? Tớ có thực lòng vâng lời chủ không? Anh ta đã "trả đũa" lại chủ bằng cách nào?

3. Truyện cười "Nói có đầu có đuôi" giễu những hạng người như thế nào?

CON RẮN VUÔNG

Anh chàng kia có tính hay nói khoác. Một hôm đi chợ về, bảo vợ:

- Này, mình ạ, hôm nay tôi vào rừng, trông thấy một con rắn... ôi chao là to!... Bề ngang đến hai mươi thước, bề dài đến một trăm hai mươi thước ấy!

Vợ biết tính chồng, muốn trêu một mẻ, liền bịu môi:

- Làm gì có thứ rắn dài như thế?

- Mình không tin à? chẳng một trăm hai mươi thì cũng một trăm thước!

- Một trăm thước cũng không có!

Muốn cho vợ tin, anh ta bảo:

- Thật mà! Không đủ một trăm thước thì cũng tám mươi thước.

Vợ vẫn lắc đầu:

- Tám mươi thước cũng chẳng có!

Chồng vẫn gân cổ ra cãi:

- Thật đấy mà! Không tám mươi thì cũng sáu mươi.

Vợ lại cau mặt:

- Sáu mươi vẫn còn dài.

Chồng lại cố ra vẻ thật thà:

- Không đến sáu mươi thước, nhưng ít nhất cũng bốn mươi thước.

Vợ càng làm già:

- Bốn mươi thước cũng không đến.

Chồng đành rút xuống lần nữa:

- Ồ thôi, tôi nói thật nhé! Quả tôi nom thấy con rắn dài đúng hai mươi thước, không kém một tấc, một phân nào!

Lúc này vợ mới bỏ lăn ra cười:

- Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thế con rắn hình vuông à?...

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc và kể lại truyện "Con rắn vuông".
2. Tại sao đọc xong truyện em lại buồn cười?
3. Trong thực tế có thể có anh chàng nói khoác đến thế không? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì khi kể. Sự cường điệu, phóng đại đó nhằm mục đích gì?
4. Truyện "Con rắn vuông" chế giễu những người như thế nào?
5. Kể lại truyện theo lời kể của chị vợ, nói rõ những ý nghĩ của chị khi dôn chồng vào thế bí, buộc anh ta phải thú nhận thói nói khoác của mình.

THI NÓI KHOÁC

Một hôm, bốn quan họp nhau đánh chén, nhân lúc quá vui liền mở một cuộc thi nói khoác. Quan thứ nhất nói:

- Tôi còn nhớ, ngày tôi ở huyện nọ, tôi trông thấy một con trâu to lắm, nó liếm một cái mất cả một sào mạ!

Quan thứ hai nói:

- Thế đã lấy gì làm lạ! Tôi còn trông thấy một sợi dây thừng to gấp mười cái cột đình!

Quan thứ nhất biết quan thứ hai nói lỡm mình, bèn chịu thua và giục quan thứ ba lên tiếng. Quan thứ ba nói:



- Tôi đã từng thấy một chiếc cầu dài lắm, đứng ở đầu cầu này không thể thấy đầu cầu kia. Đến nỗi, có hai bố con nhà nọ, kẻ ở bên này, người ở bên kia, lúc

ông bố chết, người con nghe tin vội vã sang đưa đám ma. Nhưng đi qua cầu sang đến nơi thì đã hết tang được ba năm rồi.

Đến lượt quan thứ tư:

- Thế kể cũng ghê đấy! nhưng tôi lại trông thấy một cây gạo cao khiếp lắm! Cứ biết rằng chim làm tổ trên ngọn cây, không may bị rơi quả trứng đã nở thành con chim non đủ lông đủ cánh. Khi rơi đến gần mặt đất, chim đã biết chườn, biết bay rồi.

Quan thứ ba biết cây ấy dùng để làm chiếc cầu mình nói, đành chịu thua.

Bốn ông quan đắc chí vỗ đùi cười ha hả.

Bỗng có tiếng thét to làm các ông giật bắn người:

- Đồ nói láo cả! Linh đâu? Trói cổ cả bốn thằng này lại cho ta!

Các quan run cầm cập, ngơ ngác nhìn trước nhìn sau xem là ai, té ra là tên lính hầu. Lúc ấy các quan mới hoàn hồn, lên giọng:

- Thằng kia, mày định trói ai thế?

- Bẩm quan, con thấy các quan thi nhau nói khoác, thì con cũng nói khoác theo đấy ạ!

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc và kể lại truyện "Thi nói khoác".
2. Việc các quan ngồi thi nói khoác nói lên điều gì?
3. Truyện cười "Thi nói khoác" chế giễu những hạng người như thế nào?

NHỮNG BÀI ĐỌC THÊM

MÈO LẠI HOÀN MÈO

Có một người nọ nuôi được hai con mèo rất đẹp, rất khôn. Anh ta thấy cái tên mèo không xứng, liền đặt tên cho con vật là con trời.

Một hôm có người đến chơi, thấy sự lạ, hỏi:

- Con mèo sao bác lại gọi là con Trời?

Anh kia đáp:

- Con vật này của tôi quý nhất thế gian, chỉ tên là Trời mới xứng với nó.

Người đến chơi nói:

- Thế trời chẳng thua mây à? Mây che được trời.

Anh kia ngẩn ra rồi nói:

- Ồ nhỉ, thế thì đặt tên Mây vậy.

- Nhưng mây lại thua gió, gió đuổi được mây.

Anh kia lại thay đổi ý kiến:

- Thế thì tôi gọi nó là con Gió vậy.

- Nhưng gió lại thua tường, tường cản được gió.

- Thì tôi gọi là con Tường vậy.

- Nhưng tường lại thua chuột, chuột khoét được tường.

- Thì tôi gọi nó là con Chuột vậy.

- Nhưng chuột lại thua mèo, mèo bắt được chuột.

Anh nuôi mèo ngập ngừng, lúng túng, chưa biết nên thế nào, song cũng đành phải nói:

- Đã thế, cứ gọi nó bằng Mèo quách!

LÁT NỮA TAO SANG

Có một lão phú nông giàu nứt đổ đổ vách, nhưng một chữ bẻ đôi cũng không hay. Tuy vậy, lão rất thích lên mặt ta đây giỏi giang chữ nghĩa trước đám người hầu hạ.

Một hôm lão đang dùng bữa. Bữa ăn của lão có đủ món ăn ngon đã dành. Xung quanh chiếu rượu lão ngồi là cả một dãy người hầu: kẻ rót rượu, kẻ nâng quạt, kẻ dâng những món ăn lạ, kẻ ra vào nhộn nhịp mang tiếp những món ăn còn lạ hơn món lão đang nếm...

Đúng lúc ấy, một tên hầu của viên quan trong vùng tới. Tên hầu dâng lên lão phú ông một lá thư của chủ gửi lão. Phú ông vờ liếc qua thư rồi bảo tên hầu:

- Ta biết rồi, mày cứ về, lát nữa tao sang.

Tên hầu xoa hai tay, ngập ngừng một lát rồi mới rón rén thưa:

- Dạ, trong thư có n

Lão phú ông gạt đi:

- Biết rồi, tao đọc rồi, tao sẽ đáp lại lời mời, lát nữa tao sang.

Tên hầu lúc này đành nói thật:

- Dạ, quan nhà con vội đi, mà ngựa thì ốm, quan con sai con sang mượn ngài con ngựa. Trong thư đã viết là con phải dắt ngựa về ngay ạ...

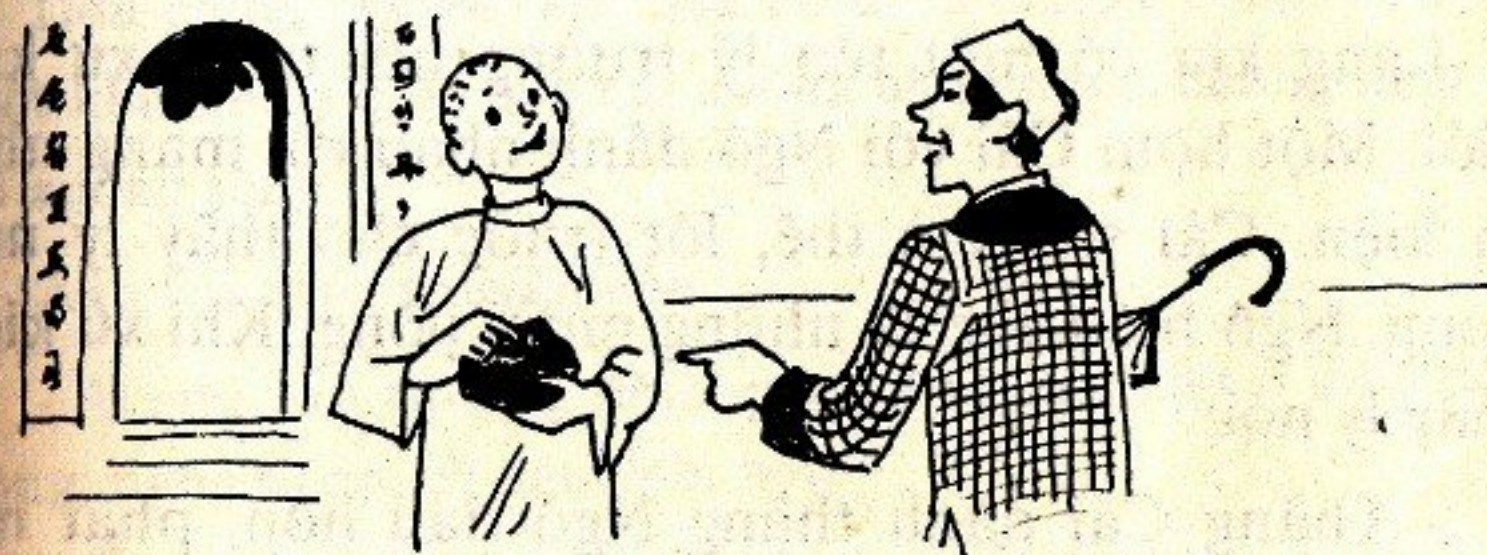
GẤU ĐẦU HỎ ĐUÔI

Một ông sư hổ mang, sai tiểu đi mua thịt cây về nhấm rượu, dặn có ai hỏi thì không được nói. Chú tiểu mua gói thịt cây về tới cổng chùa chẳng may gặp phải một vị khách văn chùa. Khách hỏi:

- Chú có gói gì thế?

Chú tiểu sực nhớ lời sư dặn, bèn nói:

- Tôi đồ ông biết đấy! Ông mà đoán đúng tôi xin thưởng ông gói thịt chó này.



TRÚNG NGÓT

Một chị mới về làm dâu. Hôm ấy mẹ chồng bảo chị ta luộc rau muống. Chị ta đổ lưng rổ rau vào nồi luộc, nhưng đến khi vớt ra chỉ còn được một đĩa. Chị ta lo mẹ chồng ngỡ mình ăn vụng, ngồi ôm mặt khóc hu hu. Thấy chị ta khóc, mẹ chồng hỏi:

- Tại sao con khóc?

Chị ta liền kể lại sự tình. Mẹ chồng nói:

- Tưởng gì chứ thế thì việc gì phải khóc. Luộc rau bao giờ nó chả ngọt đi như thế!

Một lần khác, mẹ chồng lại sai chị ta luộc năm quả trứng. Luộc chín, chị ta ăn hai quả. Mẹ chồng thấy còn ba quả liền hỏi:

- Sao luộc năm quả mà chỉ còn ba?

Chị ta trả lời gọn lỏn:

- Nó ngọt đi đấy mẹ ạ!

NHƯNG NÓ PHẢI BẰNG HAI MÀY

Làng kia có một tên lý trưởng nổi tiếng xử kiện giỏi. Một hôm Cải với Ngô đánh nhau rồi mang nhau đi kiện. Cải sợ kém thế, lót trước cho thầy lý năm đồng. Ngô biện chè lá những mười đồng. Khi xử kiện, thầy lý nói:

- Thằng Cải đánh thằng Ngô đau hơn, phạt một

chục roi.

Cải vội xòe năm ngón tay, ngẩng mặt nhìn thầy lý, khế bẩm:

- Xin xét lại, lẽ phải về con mà!

Thầy lý cũng xòe năm ngón tay trái úp lên trên năm ngón tay phải, nói:

- Tao biết mày phải... nhưng nó lại phải... bằng hai mày!

KIỂM TRA CUỐI BÀI

1. Em đọc truyện cười "Thà chết còn hơn".

Xưa có anh keo kiệt, ăn chẳng dám ăn, mặc chẳng dám mặc, chỉ khư khư tích của làm giàu.

Một hôm, có người bạn rủ ra tỉnh chơi. Trước anh ta còn từ chối, sau người bạn nài mãi, anh ta mới vào buồng lấy ba quan tiền giắt lưng rồi cùng đi.

- Khi ra đến tỉnh, trông thấy cái gì anh ta cũng muốn mua, nhưng sợ mất tiền lại thôi. Trời nắng quá, muốn vào hàng uống nước lại sợ phải thết bạn, anh ta không dám vào.

Đến chiều trở về, khi qua đò đi đến giữa sông, anh keo kiệt khát nước quá, mới cúi xuống uống nước, chẳng may lộn cổ xuống sông.

Anh bạn trên thuyền kêu:

- Ai cứu, xin thưởng năm quan! Anh keo kiệt ở giữa dòng sông, nghe tiếng, cố ngoi lên, nói:

- Năm quan đất quá!

Anh bạn chữa lại:

- Ba quan vậy.

Anh hà tiện lại ngoi đầu lên lần nữa cố nói cho được:

- Ba quan vắn đất, thà chết còn hơn!

2. Em trả lời:

a. Truyện này chế giễu hạng người như thế nào?

b. Những chi tiết gây cười trong truyện là gì?

3. Em làm bài viết: (Chọn một trong hai đề)

Đề 1: Em kể lại truyện "Thà chết còn hơn" theo lời kể của anh hà tiện.

Đề 2: Em kể truyện "Thà chết còn hơn" theo lời kể của người bạn đường.



Bài năm

TÌM NGHĨA BÓNG TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH

Bài mẫu

THẠCH SANH



Thạch Sanh mồ côi cha mẹ từ nhỏ. Chàng sống một mình dưới gốc đa đầu làng và làm nghề đốn củi. Chàng có sức khỏe phi thường, lại thông minh võ nghệ, hơn nữa biết cả những phép thần thông.

Có một người lái buôn tên là Lý Thông kết nghĩa anh em với Thạch Sanh, để tính chuyện lợi dụng chàng.

Trong vùng có con chồn tinh thích ăn thịt người. Dân phải lập miếu thờ chồn tinh và hàng năm phải nộp cho tinh một mạng người, thì mới hồng yên ổn làm ăn.

Năm ấy đến lượt Lý Thông phải nộp mạng mình. Lý Thông lập mưu lừa Thạch Sanh đến miếu thờ chồn tinh nộp mạng thay. Thạch Sanh vô tình đến miếu. Nhưng chàng không chết, chẳng những thế còn đánh chết chồn tinh, chặt được đầu nó mang về.

Sau việc ấy, Thạch Sanh lại trở về sống yên lành dưới gốc đa và làm nghề đốn củi như xưa. Còn Lý Thông thì tranh công giết chồn tinh. Lý Thông được vua phong cho làm chức đô đốc.

Bấy giờ con gái vua là công chúa Quỳnh Nga đã đến tuổi kén chồng. Một hôm công chúa đang dạo chơi thì bị một con yêu tinh hiện hình làm đại bàng cướp đi mất. Vua nghĩ rằng Lý Thông đã có tài giết chồn tinh thì cũng có thể đi cứu công chúa. Vua bèn sai Lý Thông đi đánh đại bàng để đem công chúa về. Lý Thông làm sao có thể đảm nhiệm việc tày đình như thế? Lý Thông liền đến cầu cứu Thạch Sanh. Thực ra thì chính Thạch Sanh trông thấy đại bàng cắp công chúa. Chàng đã giương cung bắn trúng đại

bàng. Chàng lần theo vết máu đến tận hang đại bàng. Vì thế Thạch Sanh có thể đưa đường cho Lý Thông cùng quân lính đi cứu công chúa. Tới hang, chính Thạch Sanh lại ròng giây xuống để cứu công chúa lên.

Khi ấy Lý Thông lại mưu giết Thạch Sanh để cướp công lần nữa. Khi công chúa vừa được đưa lên miệng hang, Lý Thông liền cho quân lính lấy đá lấp kín miệng hang định chôn sống Thạch Sanh dưới đó. Hết đường ra, trong hang vẫn còn đại bàng, Thạch Sanh phải đánh nhau tiếp với con yêu tinh ấy. Chàng giết chết đại bàng, và do đó cứu được thái tử con vua Thủy tề. Thái tử mời Thạch Sanh xuống chơi thủy cung. Vua Thủy tề cảm ơn Thạch Sanh đã cứu con trai mình, tặng Thạch Sanh một cây đàn thần. Sau đó Thạch Sanh từ biệt vua Thủy tề để lên bờ.

Nào ngờ, trong lúc Thạch Sanh đi vắng, hồn của chồn tinh và đại bàng cùng lập mưu vu oan chàng đánh cắp châu báu trong kho nhà vua. Thạch Sanh bị bắt và bị giam vào ngục tối. Trong ngục chàng đem đàn ra gảy. Tiếng đàn nói lên như tiếng người:

Đàn kêu: ai chém chồn tinh?

Cho mây vinh hiển dự mình quyền sang?

Đàn kêu ai chém xà vương?

Dem nàng công chúa triều đường về đây?

Đàn kêu hỏi Lý Thông mây,

Cớ sao phụ nghĩa lại rày vong ân?

Lại nói về công chúa Quỳnh Nga, từ khi được cứu về bồng hóa câm. Nghe tiếng đàn Thạch Sanh, nàng tươi nét mặt, cất ra tiếng nói, nàng đòi vua cha cho gặp người đánh đàn. Nhờ đó mà vua biết mọi chuyện. Vua cho lệnh bắt giam hai mẹ con Lý Thông. Hai người xin Thạch Sanh tha cho. Được tha, nhưng trên đường về nhà, hai mẹ con bị sét đánh chết. Chết đi, cả hai mẹ con hóa thành bộ hung. Còn Thạch Sanh thì kết duyên cùng công chúa.

Thái tử mười tám nước xung quanh tức giận vì Thạch Sanh lấy được công chúa, trong khi họ hỏi mãi không được, liền hợp quân mười tám nước chư hầu đến đánh. Thạch Sanh đem đàn ra gảy. Nghe tiếng đàn, quân địch rã ròi, không đánh cũng thua. Trước khi rút quân lính mười tám nước chư hầu còn được Thạch Sanh dọn cơm cho ăn. Chỉ một niêu cơm nhỏ mà bao nhiêu người ăn cũng không hết. Mười tám nước chư hầu lại chịu thần phục. Đất nước trở lại thanh bình. Thạch Sanh được vua truyền cho ngôi báu...

Em làm các việc sau:

Việc 1: Dựng lại hình tượng

1. Em đọc thầm truyện Thạch Sanh.
2. Em tưởng tượng và mô tả lại những cảnh sau:
 - a- Cảnh Thạch Sanh và Lý Thông kết nghĩa anh em. Lúc

đó, hai người nói gì với nhau?

b- Cảnh Lý Thông lập mưu lừa Thạch Sanh tới miếu thờ chần tinh. Lúc đó, hai người nói gì với nhau?

c- Cảnh đêm khuya Thạch Sanh mang đầu chần tinh trở về gọi cửa. Lúc đó, Lý Thông hoảng sợ như thế nào?

d- Cảnh Lý Thông vuì Thạch Sanh dưới hang.

e- Cảnh Thạch Sanh ngồi trong ngục tối đánh đàn. Lúc đó, Thạch Sanh nghĩ gì? Lý Thông nghĩ gì khi nghe tiếng đàn ấy.

3. Em kể lại toàn bộ truyện Thạch Sanh. Thầy có thể gọi từng em kể từng đoạn nối tiếp nhau.

Việc 2: Phân tích hình tượng

1. Hình tượng Thạch Sanh

a- Thạch Sanh trong truyện được kể như thế nào? Tại sao Thạch Sanh lại kết nghĩa anh em với Lý Thông?

b- Thạch Sanh đã gặp những thử thách gì? Chàng đã vượt qua những thử thách đó ra sao?

c- Em đoán ra những ý nghĩ của Thạch Sanh:

- Khi chàng nhận lời giúp Lý Thông đi canh miếu thờ sau đó lại vui vẻ trở về sống ở gốc đa khi biết mình bị tranh công.

- Khi chàng nhận lời giúp Lý Thông đi cứu công chúa. Lần này, chàng giúp Lý Thông vì tình nghĩa anh em hay vì lý do khác?

- Khi chàng bị Lý Thông vùi dưới hang?
- Khi chàng bị giam trong ngục tối?
- Khi chàng xin tha cho mẹ con Lý Thông?

d- Từ đầu tới cuối truyện, tính cách và hành động của Thạch Sanh có gì thay đổi không? Đó là một con người như thế nào?

2. Hình tượng Lý Thông

- a- Em kể ra những hành động của Lý Thông.
- b- Em đoán ra những ý nghĩ của Lý Thông.
- Khi hấn kết nghĩa anh em với Thạch Sanh.
- Khi hấn nhờ Thạch Sanh đi canh miếu Thờ.
- Khi hấn được nhà vua phong chức đô đốc, còn Thạch Sanh lại trở về gốc đa đón củi.
- Khi hấn vùi Thạch Sanh dưới hang.
- Khi Thạch Sanh bị nhốt vào ngục tối.

b- Từ đầu tới cuối truyện, hành động và tính cách Lý Thông có gì thay đổi không? Qua đó, em thấy Lý Thông là người như thế nào?

Việc 3: Tìm nghĩa bóng

1. Em đọc thầm lại toàn bộ truyện và cho biết:

a- Thạch Sanh tiêu biểu cho loại người nào trong xã hội? Còn Lý Thông tiêu biểu cho loại người nào?

b- Kết thúc truyện: Thạch Sanh được hưởng hạnh phúc còn Lý Thông bị trừng trị đích đáng. Điều đó nói lên nguyên

vọng gì của nhân dân?

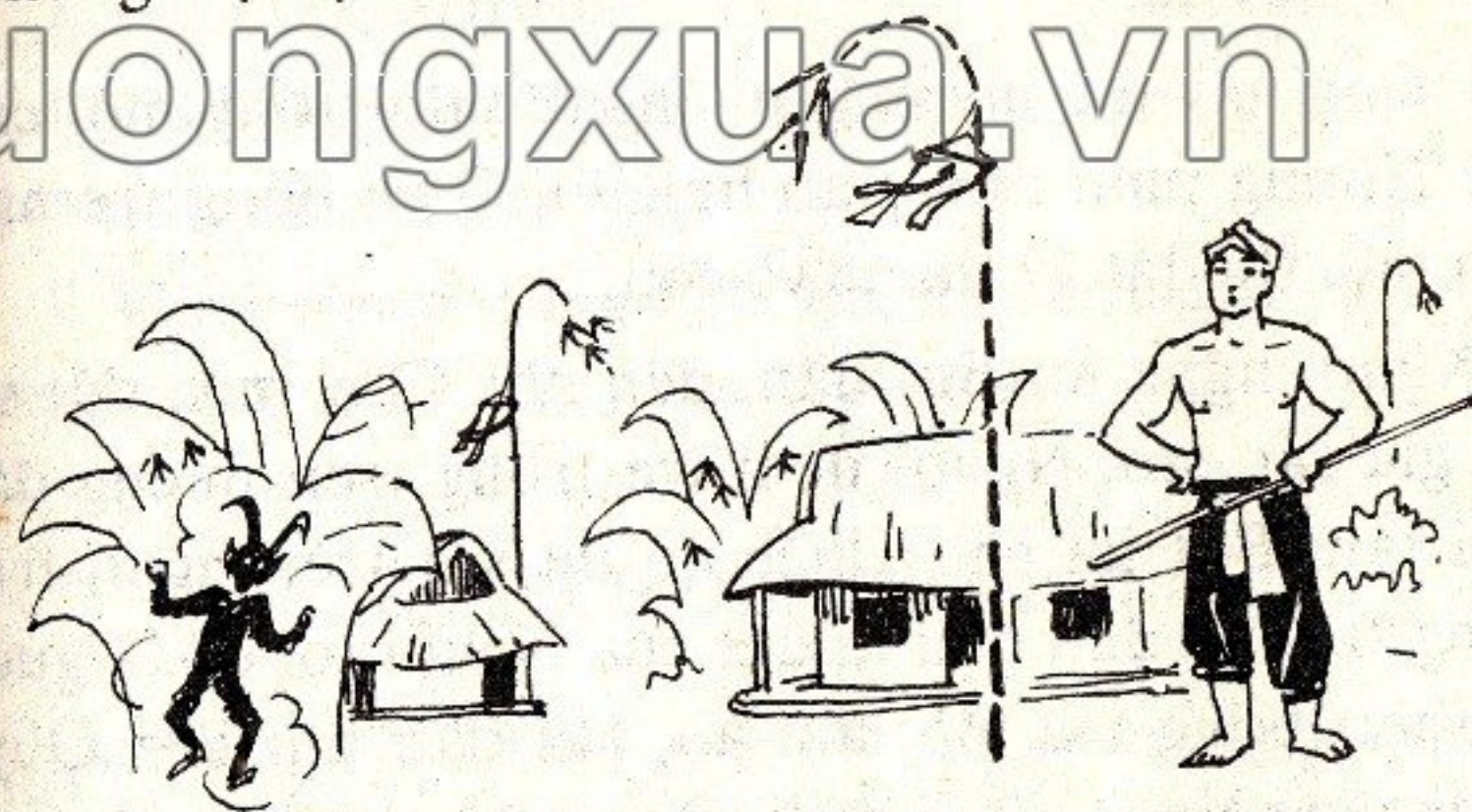
2. Tìm nghĩa bóng của truyện.

(Hỏi cách khác: Qua truyện cổ tích "Thạch Sanh", em hiểu được điều gì?)

NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP

CÂY NÊU NGÀY TẾT

Ngày xưa Quý làm chủ cả trái đất, người phải ở nhờ đất của Quý. Người phải đến xin làm ruộng cho Quý. Còn Quý vốn tham lam nên thường đặt ra những luật lệ khắt khe ác nghiệt.



Năm ấy, lúa do người trồng rất tốt. Quý muốn chiếm hết thóc nên ra lệnh: Quý ăn ngon, cho người gốc. Thế là người làm lưng quần quật cả năm mà đến mùa chỉ được gốc rạ.

Người đói khổ quá, khẩn Bụt, Bụt hiện lên bảo:

- Sang năm, con hãy trồng khoai.

Người hiểu ý Bụt, làm theo. Đến mùa, Người cắt ngọn khoai nộp cho Quý, còn bao nhiêu củ Người bới lên ăn cả. Quý tức lắm, lại ra lệnh: Quý ăn cả ngọn lẫn gốc. Người lại khẩn Bụt lên, và Bụt dặn:

- Con hãy trồng ngô.

Đến mùa ấy, Người cứ ung dung đem nộp ngọn và gốc cho Quý, còn bao nhiêu bắp ngô Người hưởng hết.

Quý hai lần mắc mưu, căm giận lắm, bèn đòi ruộng đất về, không cho Người trồng nữa. Người lại khẩn Bụt và Bụt dặn:

- Con hãy tậu lấy một miếng đất đủ trồng một cây tre. Nhưng phải nhớ giao hẹn với Quý: bóng tre ngã đến đâu thì đất ấy thuộc về con.

Người nghe lời Bụt dặn, đến nhà Quý mua đất và trả giá rất cao. Người đem tre trồng trên miếng đất mới tậu. Bụt lại cho chiếc áo để vắt trên ngọn tre. Bóng tre lan đến đâu là đất của Người tới đó. Người cứ theo bóng tre mà làm ăn, lấn dần đất của Quý. Cuối cùng Người đuổi được Quý ra tận ngoài biển.

Từ đấy, đời sống của Người ấm no hẳn lên. Quý tiếc của, cứ đòi vào cướp lại đất đã bán cho Người. Người khẩn Bụt, Bụt hiện lên bảo:

- Con cứ lấy cung mà bắn, lấy vôi bột mà rắc, giả tòi trộn nước mà phun, lấy lá dứa có gai nhọn mà vạt, thì Quý có hung hăng đến mấy cũng phải bỏ chạy.

Người làm theo. Quả nhiên Quý và thú dữ chạy tan tác, Quý xin mỗi năm được vào thăm mộ tổ tiên vài ngày...

Do đó mà dân ta có tục lệ trồng cây nêu ngày tết. Cây nêu là cây tre cắm giữa sân. Trên ngọn cây nêu có treo chuông khánh leng keng nhắc Quý đây là đất của người...

Nhiệm vụ của em

1. Đọc và kể lại truyện.

2. Các nhân vật Người, Quý và Bụt tượng trưng cho những điều gì trong đời sống con người?

3. Vì sao Người thắng Quý? Kết thúc đó cho em hiểu ước mơ của nhân dân ta ngày xưa như thế nào?

SỰ TÍCH QUẢ DƯA HẦU

Có lời truyền từ đời này qua đời khác rằng, ở nước ta người trồng quả dưa hầu đầu tiên là Mai An Tiêm.

An Tiêm sống vào đời vua Hùng thứ mười tám. Ông vốn là người ở một vùng biển xa xôi phương nam, bị bọn thuyền buôn bắt làm nô lệ rồi đem dâng

vua từ hồi nhỏ. Lớn lên An Tiêm tỏ ra thông minh, tháo vát và có tính kiên nhẫn lạ thường, được giao việc gì đều làm kỳ được mới yên lòng. Nhà vua rất tin dùng: tên Mai An Tiêm chính là do vua ban cho. Nhà vua còn cho Mai An Tiêm một người thiếp và nhiều bổng lộc khác. Vợ chồng An Tiêm ăn ở với nhau hòa thuận sinh được một trai, một gái.

Ông thường nói: "Mọi thứ của cải trên đời đều do sức mình làm ra cả". Có kẻ bảo ông: "Làm bề tôi, cơm áo vua ban cho, bổng lộc vua ban cho, nói như vậy là vong ân bội nghĩa". Mai An Tiêm nghe vậy chỉ cười, không trả lời. Bọn nịnh thần liền tâu những chuyện như thế lên vua Hùng. Bọn chúng nói:

- Nay ông ta dám thổ lộ những lời bất bình như thế, mai kia chưa biết chừng đem lòng phản trắc. Xin cho đẩy ra một đảo ở ngoài biển khơi, thử xem ông ta có làm ra cái mà ăn không?

Nhà vua tuy mến An Tiêm, nhưng lo mất ngôi báu, nên nghe lời, đẩy An Tiêm ra một hòn đảo ngoài cửa biển Nga Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa bây giờ. Vợ con An Tiêm cũng theo ra đảo. Thấy quang cảnh hoang vắng, bốn bề sóng vỗ, người vợ ôm con mà khóc, An Tiêm lựa lời khuyên nhủ rồi vào rừng săn thú, hái quả, đem về nuôi vợ, con.

Một hôm, thấy trên tảng đá có ít phân chim trong phân có những hạt đen nhánh, ông nhặt lên, lật đi, lật

lại trong lòng bàn tay, mừng thầm. Ông nghĩ: "Đã là hạt, đem gieo chắc phải nảy mầm. Đã là quả chim ăn được, chắc người cũng phải ăn được". Hai vợ chồng bèn làm đất gieo hạt, chăm sóc. Cây mọc rồi lan ra khắp bãi. Rồi cây đâm hoa, kết quả, quả nào quả nẩy lớn, to bằng đầu người, vỏ xanh mượt. An Tiêm lấy một quả bổ đôi ra thấy bên trong màu đỏ hồng, hạt đẹp, đen nhánh, ăn vào miệng vừa ngọt vừa thơm mát. Hai vợ chồng vô cùng mừng rỡ, hái quả cất vào hang, tính chuyện ăn dần.

An Tiêm và vợ lại vỡ thêm đất, gieo hạt. Năm này qua năm khác, dưa mọc xanh um khắp đảo, kín đảo. Thuyền buôn qua lại ghé vào đảo, đổi các thức lấy những trái dưa đỏ. Đời sống của vợ chồng con cái An Tiêm ngày càng sung túc.

Nhớ đất liền, cứ mỗi mùa dưa, An Tiêm lấy hàng trăm quả, khắc chữ, ký tên vào vỏ rồi thả xuống bể, hy vọng những quả dưa ngon lành này sẽ trôi dạt tới quê hương. Có một lần, quân lính đi tuần trên bờ bể nhặt được, thấy chữ Mai An Tiêm đem trình lên nhà vua. Vua cho sứ giả ra đảo tìm. Sứ giả về, đem chuyện ngoài đảo thuật lại và dâng vua một thuyền đầy những quả dưa lạ. Nhà vua có ý hối hận đã buộc tội An Tiêm, chỉ vì An Tiêm nói lời phải. Vua xuống chiếu cho An Tiêm về đất liền và nhận lại chức vụ cũ, trọng dụng như trước.

Nhiệm vụ của em

1. Đọc và kể lại truyện.
2. Em tìm trong truyện những chi tiết cho thấy:
 - a- An Tiêm cương trực, thẳng thắn
 - b- An Tiêm cần cù, dũng cảm.An Tiêm thông minh, sáng tạo...
3. Chiến thắng cuối cùng của An Tiêm nói lên điều gì?
4. Nói cảm nghĩ của em sau khi đọc truyện "Sự tích quả dưa hấu"

SỰ TÍCH CON VE

Ở một miền nọ có hai vợ chồng nông dân nghèo nhưng khỏe mạnh và chăm làm. Lấy nhau đã lâu, hai vợ chồng vẫn chưa có một mụn con. Mãi đến khi cả hai người đã đầu bạc răng long, họ mới sinh được một đứa con trai đầu lòng. Họ vui mừng khôn xiết.

Cũng vì thế, tuy nhà nghèo, sức yếu, nuôi con vất vả, hai vợ chồng thấy ở đứa con một nguồn hạnh phúc lớn lao không cùng. Nhưng thương thay, một điều không may lại đến với họ. Đứa con yêu quý của họ vừa tròn một tuổi, cũng là lúc người chồng khuất núi. Thế là nhà đã khó lại càng khó khăn thêm. Nhà đã nghèo lại càng túng thêm nữa. Người vợ phải một thân tần tảo vào rừng, lên núi, kiếm rau, lượm quả,

đào bới củ nâu, củ gấu hay ruột đất, rễ cây nuôi miệng, nuôi con. Những hôm vào rừng, dù xa bao nhiêu mặc lòng, bà không bao giờ về muộn vì lo đứa con ở nhà khóc đói tội nghiệp. Một hôm, vì làm lưng mệt nhọc, quá sức, bà lăn xuống ốm, giữa lúc trong nhà không có thể có thứ gì ăn được qua bữa. Bà phải gượng lê cái thân ốm yếu gầy guộc vào rừng đào bới củ mài nuôi con, Ấc thay! củ mài ở những chỗ dễ đào người ta đã đào hết rồi. Nhưng nghĩ đến đứa con đang đói ở nhà, quên cả ốm đau, già yếu bà dồn hết hơi sức cuối cùng của mình mà đào bới. Củ ăn sâu dưới đất khô đầy sỏi đá. Cho đến khi củ mài vừa lộ ra, mừng thầm bà cắm đầu xuống hố để móc lấy.

Chao ơi, đó cũng là lúc bà trút hơi thở cuối cùng!

Đứa con bà ở nhà, vừa đói vừa nhớ mẹ, khóc lóc rất thảm thương. Qua ngày này ngày khác, đứa bé liều mình vào rừng tìm mẹ. Khi đến nơi, đúng hố củ mài mẹ mình đào, đứa bé thấy mẹ đã trở thành một xác chết khô cứng. Thương mẹ, đứa bé ngã vật xuống kêu khóc, ngất đi. Khi tỉnh dậy, chưa nguôi thương nhớ, nó liền ngồi khóc cho đến khi thân hình thẳng bé trở nên gầy guộc, xơ xác, mắt sung lồi, rồi cuối cùng hóa thành con ve sầu. Ngày nay, ta vẫn thấy con ve bụng rỗng tuếch, đôi mắt lồi.. Cứ đến mùa hè, nó lại kêu ve... ve... ve... buồn bã. Đó chính là tiếng kêu khóc của đứa bé nghèo đói ngày xưa.

Truyện cổ dân tộc ít người Việt Nam

Nhiệm vụ của em

1. Đọc và kể lại truyện
2. Tìm những hình ảnh, chi tiết mô tả nỗi bất hạnh, sự tàn tảo, thương con quên mình của người mẹ. Chi tiết nào trong bài làm em cảm động nhất?
3. Tìm những hình ảnh, chi tiết diễn tả nỗi đau đớn của đứa con khi mất mẹ.
4. Nói cảm nghĩ của em sau khi đọc truyện: "Sự tích con ve sầu".

ĐĂM BƠ RI

Ngày xưa, ở vùng Tây Nguyên có thác Búc So reo vui, ca hát đêm ngày. Nhưng vua Pơ rưm không thích nghe tiếng thác. Tiếng thác reo làm lão ăn không ngon, ngủ không yên. Lão ra lệnh cho quân lính bắt dân phá đá cho thác nước xuôi êm, dập tắt tiếng thác reo để hấn yên giấc ngủ. Thế là hàng ngàn trâu bò, lợn gà bị giết thịt, hàng trăm người đã chết vì đòn roi, vì đá rơi. Xác họ bị vút xuống nơi thác đổ.

Nước căm giận trào lên, sủi bọt đỏ ngầu.

Trong đám dân làng có một chàng trai nghèo khổ là Đăm Bơ Ri thấy cảnh buôn làng tang tóc bèn trốn đi. Chàng chỉ mang theo chiếc gùi, mấy nắm gạo, một thanh gươm, một chiếc nỏ và một con chó. Chàng đi, đi mãi, chỉ nghĩ một điều: tìm cách báo thù cho dân làng.



Một hôm, chàng đến bên một hồ nước trong veo.

Con chó bỗng cất tiếng sủa. Nhìn quanh không thấy một bóng chim, một dấu chân thú, chàng xua chó đi tiếp. Chó không chịu đi, càng sủa dữ như lên cơn dại. Xua mãi không được, chàng giận con chó không biết nghe lời chủ, liền đá nó xuống nước rồi bỏ đi. Con chó không chết. Qua bao nhiêu núi, bao nhiêu rừng, chàng vẫn nghe tiếng chó sủa bên tai. Chàng nổi giận quay lại hồ nước, rút gươm chém con chó.

Lạ thay! Chó không chết mà gươm quặn lại như chém phải đá. Chàng chém mạnh hơn. Lưỡi gươm tóe lửa, bật lại. Con chó vẫn trở trở, ve vẩy đuôi tỏ vẻ mừng rỡ. Chàng trai kinh ngạc, nhúng tay xuống nước hồ rồi vung gươm chém thử. Thanh gươm gãy đôi. Biết là nước quý, chàng bèn nhảy xuống hồ tắm, rồi vẫy gọi chó trở về cứu dân làng. Chân chàng vượt suối

bằng rừng nhanh như gió cuốn. Chàng muốn đo sức ngay với quân thù.

Thác Búc So đây rồi. Dân làng thân yêu đang bị quân lính đánh đập, thúc ép. Chàng xăm xăm bước tới, hét lớn:

- Sao chúng bay dám đánh dân làng?

Bọn lính gầm lên:

- Đứa nào vừa nói? Bắt lấy nó!

Chúng nhận ra chàng và hùng hổ xông tới. Chàng cứ đứng nguyên cho chúng chém. Bao nhiêu gươm đao tua tủa chém vào chàng như chém vào đá. Chàng vẫn đứng sừng sững như trái núi. Bọn lính hoảng quá, tưởng chàng là một vị thần, bỏ chạy tán loạn. Chàng trai giật lấy một thanh gươm đuổi theo chúng tới tận kinh thành vua Pơ rum. Vua hoảng quá, cho quân lính ra vây đánh. Trăm đứa ra chết cả trăm, ngàn đứa ra chết cả ngàn. Quân lính đông như kiến, một mình chàng chống không xuể. Cuối cùng chúng hè nhau lấy dây sắt trói chàng lại, chất củi đốt. Ngọn lửa bốc cao, đỏ rực một góc trời, chàng vẫn ngang nhiên nhìn những lưỡi lửa liếm vào thân mình. Người chàng dần dần đỏ rực lên như sắt nung. Bao nhiêu dây trói đứt tan, chảy thành nước. Chàng xông tới đám quân lính, dang rộng hai tay ôm chặt lấy chúng. Kẻ thù cháy bùng lên như mối lửa. Chàng ôm cả nhà cửa, thành quách, lâu đài. Cả kinh đô của vua Pơ rum chìm

trong biển lửa. Từ đó, nông dân Mơ nông lại sống yên vui.

Ngày nay, tới vùng Đắc lặc, ta còn thấy dòng thác Búc So hùng vĩ chảy âm âm, như hát vang lên mãi bản anh hùng ca về chàng trai dũng cảm: Dăm Bơ ri.

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc và kể lại truyện.

2. Tìm những chi tiết mô tả sự tàn bạo điên cuồng của vua Pơ rum, nỗi kinh hoàng khiếp sợ của dân làng trước sức mạnh của nhà vua.

3. Tìm những chi tiết mô tả chàng trai Dăm Bơ ri.

(Hoàn cảnh sống... tâm trạng...)

Cuộc chiến đấu giữa Dăm Bơ ri và quân lính của nhà vua đã diễn ra như thế nào?

4. Truyện Dăm Bơ ri thể hiện ước mơ gì của nhân dân?

SỰ TÍCH VÙNG ĐẤT ĐỎ TÂY NGUYÊN

Ngày xưa ngày xưa, ở miền Nam nước ta có một chàng trai rất khỏe. Bằng một tay, chàng có thể nâng một quả núi lớn như người ta nâng một quả bóng. Mọi người đặt tên chàng là Khỏe. Chàng Khỏe rất hiền, suốt ngày chăm chỉ cày nương, cuốc rẫy, trồng lúa, trồng ngô nuôi mẹ.

Bồng ở vùng chằng Khỏe xuất hiện một con rồng lửa. Rồng to lắm. Đầu rồng to như một quả núi. Chân rồng to như những cây cổ thụ. Thân rồng dài đến hàng trăm dặm. Khi bay, đôi cánh rồng che kín cả bầu trời miền Nam. Bay đến đâu, rồng phun lửa đến đó làm cho nước sông, nước suối sôi lên sùng sục, đất đá nứt toác ra thành những hang sâu. Nóng quá dân làng không sao chịu nổi.

Chàng Khỏe giận lắm. Chàng quyết tâm giết rồng lửa trừ hậu họa cho dân làng. Gần nơi chàng ở có một cây gỗ rất to. Thân cây chục người ôm không xuể. Chàng nhổ cây làm gậy rồi trèo lên một quả núi thật cao chờ rồng lửa. Được một lúc thì tàn lửa bay tới tấp khiến người chàng bỏng rát. Một lát sau, rồng lửa hiện ra. Chờ cho rồng lửa đến tầm tay, chàng liền vùng gậy phang thật mạnh vào đầu rồng. Bị đánh bất ngờ, rồng lửa đau quá, quấy mạnh rồi quay ra đánh nhau với chàng. Hai bên giao tranh suốt ba ngày ba đêm không phân thắng bại. Cuối cùng chàng Khỏe vươn tay sang bên cạnh xách một quả núi, cố hết sức ném mạnh vào đầu rồng lửa. Rồng lửa tránh không kịp vỡ sọ lăn xuống đất. Xác rồng trải rộng suốt một vùng đất Tây Nguyên ngày nay.

Lúc mới rơi xuống, toàn thân rồng là một khối lửa đỏ rực. Nhưng lâu ngày, xác rồng nguội dần rồi biến thành đất, làm cho đất đai vùng này có màu đỏ như

lửa. Dần dần những rừng gỗ rừng cao su, rừng chè, đồi tranh, đồng cỏ thi nhau mọc lên. Các giống muông thú như: công, trĩ, đại bàng, yểng, vẹt... tìm về trú ngụ. Tất cả hợp lại thành một vùng đất Tây Nguyên giàu có và đẹp đẽ như ngày nay.

NHỮNG BÀI ĐỌC THÊM

LỌ LEM

Ngày xưa có một vị quý tộc góa vợ, lấy phải một người đàn bà tính nết kiêu căng, khó chịu chưa từng thấy trên đời. Mụ có hai đứa con gái giống mụ như in. Người chồng cũng có một đứa con gái riêng dịu dàng và tốt bụng không ai bằng. Cô bé giống mẹ, một người đàn bà đức hạnh.

Hôn lễ vừa xong là mụ gì ghê tở ngay thái độ cáu gắt. Mụ không thể chịu đựng được những nét tốt của cô bé vì nó càng làm cho hai đứa con gái mụ trở nên đáng ghét hơn.

Mụ bắt cô bé làm những việc nặng nhọc nhất trong nhà. Cô bé phải ngủ trên gác thượng, trọng vựa lúa, trên một cái ổ rom tồi tàn. Trong khi đó, các em cô có phòng riêng sàn lót ván, giường đúng thời trang, gương soi từ đầu đến chân. Cô bé kiên nhẫn chịu

đụng chú không dám than vãn với cha, sợ cha la mắng, vì cha đã bị mù gì ghê điều khiến hoàn toàn.

Công việc đâu đó xong xuôi, cô bé thường đến ngồi bên lò sưởi trên đồng tro, vì thế trong nhà gọi cô là Lọ Lem. Lọ Lem chỉ lười thôi quần áo chứ sắc đẹp thì cô gấp trăm lần các cô em cho dù chúng ăn mặc sang trọng.

Hoàng tử mở hội khiêu vũ. Các cô em khắp khởi suốt ngày bận rộn lựa chọn quần áo sao cho thật hợp với người. Lại thêm một khó nhọc mới cho Lọ Lem vì cô phải ủi quần áo và xếp vuốt tay áo cho các ả. Trong nhà chỉ nghe tiếng bàn tán về cách ăn mặc:

- Tao sẽ mặc bộ đồ nhung đỏ viền ren Ảng lê - cô chị nói.

- Em sẽ mặc ... ường, nhưng bù lại, em sẽ khoác chiếc măng tô bông băng vàng và đeo dây chuyền kim cương.

Gần hai ngày ròng rã, các ả chẳng dám ăn thứ gì. Các ả mừng không kể xiết đến nỗi làm đứt mười hai dây thắt lưng vì ráng sức kéo thật chặt để bó thân hình cho eo lại; chưa kể là suốt ngày chúng đứng trước gương.

Cuối cùng ngày vui đến. Trong lúc Lọ Lem sửa tóc, sửa mũ cho các ả, các ả hỏi:

- Này Lọ Lem, Lọ Lem có thích đi dự hội khiêu vũ không?

- Ôi dà! các cô ơi, các cô đừng nhạo tôi, hội hè chẳng phải chuyện của tôi!



Thắng xong bộ cánh đẹp nhất vào, hai ả ra đi. Lọ Lem đưa mắt nhìn theo một lúc lâu, mãi đến lúc không còn trông thấy gì nữa thì Lọ Lem bắt đầu khóc. Nàng tiên đồ đầu thấy cô khóc liền hỏi vì sao.

- Con rất muốn... Con rất muốn... Cô bé khóc òa, không sao nói hết câu.

Nàng tiên đồ đầu bảo:

- Con rất muốn đi dự hội phải không?

- Vâng! Lọ Lem vừa nói vừa thở dài.

- Thế thì được, ta sẽ cho con đi dự hội. Bây giờ, con ra vườn lấy cho ta một trái bí rợ.

Lọ Lem liền hái trái bí đẹp nhất mang vào. Nàng tiên khoét hết ruột bí, chỉ để lại cái vỏ. Vàng gỗ chiếc đĩa thần vào vỏ bí, tức thì nó biến thành một cỗ xe

sơn son thiếp vàng rực rỡ. Tiếp theo, nàng tiên lại nhìn vào bảy chú chuột, thấy có sáu chú chuột nhất, nàng tiên dùng đũa thần gõ vào từng con, thế là mỗi con biến thành một con ngựa xinh xắn, lông xám lốm đốm trắng.

Sau đó nàng tiên lại bảo Lọ Lem:

- Con ra vườn bắt sáu con rắn mối đem về đây.

Rắn mối vừa được mang vào, nàng tiên liền biến thành sáu tên lính hầu.

Bấy giờ nàng tiên mới bảo Lọ Lem:

- Nào, đủ lệ bộ để đi dự hội chưa? Con thấy có vui không?

- Dạ có, nhưng chẳng lẽ con đi dự hội với bộ quần áo thảm hại thế này.

Nàng tiên chỉ cần chạm chiếc đũa thần vào người là quần áo của Lọ Lem hóa ngay thành quần áo dát vàng và bạc lấp lánh. Nàng tiên lại cho Lọ Lem một đôi giày pha lê đẹp nhất thế gian.

Trước khi đi, nàng tiên dặn Lọ Lem: không được ở dạ hội quá mười hai giờ khuya. Nếu ở quá thêm một chút thì xe sẽ trở thành quả bí, ngựa sẽ trở thành chuột nhất, lính hầu sẽ trở lại rắn mối, và quần áo sẽ là quần áo tồi tàn lúc trước.

Lọ Lem vâng lời ra đi, lòng mừng khắp khởi. Hoàng tử thấy nàng vội vã ra đón, dắt vào phòng

khách trước đông đủ khách khứa. Tất cả đều im lặng. Mọi người ngừng nhảy, vĩ cầm im bật, ai nấy chăm chú ngắm nhìn sắc đẹp của nàng.

Hoàng tử mời cô cùng nhảy. Cô nhảy duyên dáng quá khiến mọi người càng thán phục. Bữa ăn khuya được dọn ra, nhưng hoàng tử không nếm qua một chút gì, chàng chỉ mãi mê ngắm nhìn người đẹp. Cô đến ngồi gần hai cô em, ân cần trò chuyện, mời hai cô nếm thử mứt cam, mứt chanh mà hoàng tử tặng cô. Cử chỉ ấy làm hai cô em hết sức ngạc nhiên vì hai cô không nhận được ra Lọ Lem nhà mình.

Các cô đang trò chuyện thì Lọ Lem nghe tiếng đồng hồ đánh mười một giờ bốn lăm phút. Cô đứng lên, nghiêng mình chào quan khách rồi vội vã ra về.

Đến nhà, nàng tiên đồ đầu đang chờ. Cô cảm ơn nàng tiên và tỏ ý muốn tối mai lại tiếp tục đi dự hội vì hoàng tử yêu cầu cô có mặt.

Hôm sau, hai cô em đi dự hội và Lọ Lem cũng vậy. Hoàng tử không rời cô nửa bước và luôn luôn nói với cô những lời êm dịu.

Lọ Lem vui quá nên quên mất lời dặn của nàng tiên. Đúng mười hai giờ, cô đứng dậy và vụt chạy nhanh như con sóc. Hoàng tử phóng theo mà không kịp, chỉ nhặt được một chiếc giày pha lê mà cô đánh rơi.

Ít lâu sau, hoàng tử loay tin ai có bàn chân đi vừa

chiếc giày, hoàng tử sẽ lấy làm vợ. Các cô gái thi nhau ướm thử giày, nhưng chẳng ai vừa. Lọ Lem đứng nhìn, nhận ra chiếc giày của mình, liền xin ướm thử. Bàn chân nhỏ nhắn dễ thương xỏ lọt nhẹ nhàng vào chiếc giày, thật là vừa vặn. Hai cô em hết sức ngạc nhiên khi Lọ Lem rút từ trong túi áo ra chiếc giày thứ hai và cô sỏ luôn vào chân mình. Ngay lúc ấy, nàng tiên đỡ đầu xuất hiện. Nàng gõ chiếc đĩa thần lên quần áo của Lọ Lem và biến nàng thành một nàng công chúa lộng lẫy chưa từng thấy.

Bấy giờ hai cô em mới nhận ra Lọ Lem chính là nàng công chúa xinh đẹp ở vũ hội hôm trước. Hai ả quý ngay xuống chân Lọ Lem, xin nàng tha tội cho biết bao điều dối xử tàn tệ mà chúng đã bắt nàng phải chịu đựng xưa nay.

Lọ Lem đỡ hai ả dậy nói rằng cô sẵn lòng tha thứ và mong rằng họ hãy yêu thương cô.

Người ta đưa cô đến với hoàng tử trong bộ quần áo lộng lẫy như vậy. Chàng lại thấy nàng đẹp hơn bao giờ hết. Ít ngày sau, họ làm lễ cưới.

Lọ Lem vốn vừa đẹp vừa nhân hậu. Cô cho hai em ở trong hoàng cung và sau đó gả cho hai vương hầu trong triều.

Truyện cổ dân gian Pháp

CÔNG CHÚA NGỦ TRONG RỪNG

Ngày xưa, có một ông vua và một bà hoàng hậu phiền muộn mãi chẳng có con. Cuối cùng, họ sinh hạ được một nàng công chúa. Lễ rửa tội được tổ chức long trọng. Tất cả bảy nàng tiên được tìm thấy trong nước đều được mời tới làm mẹ đỡ đầu cho công chúa. Mỗi nàng tiên đều chuẩn bị cho công chúa một món quà tặng.



Lễ rửa tội xong, một bữa tiệc linh đình được bày ra để thết đãi các nàng tiên. Lúc ai nấy đều yên vị thì một bà tiên già bước vào. Người ta không mời bà vì tưởng bà qua đời đã lâu.

Nhà vua sai đem đến một bộ đồ ăn nhưng không còn bộ đồ ăn giống như của bảy nàng tiên. Bà tiên nghĩ rằng nhà vua khinh mình nên lầm bầm mấy lời đe dọa trong miệng. Một nàng tiên bên cạnh đoán

rằng mẹ này sẽ tặng món quà không hay cho công chúa nên ẩn mình vào mấy bức rèm để nói lời cuối cùng.

Các nàng tiên bắt đầu tặng quà. Nàng trẻ nhất tặng công chúa sắc đẹp nhất đời. Nàng tiếp theo tặng công chúa sự thông minh. Nàng thứ ba tặng công chúa đôi chân đẹp tuyệt vời khi khiêu vũ. Nàng thứ tư tặng công chúa giọng hát hay như chim họa mi... Đến lượt bà tiên già, lắc lư cái đầu vì tức giận, bà nói rằng: Công chúa sẽ bị con quay nhón đâm vào tay và nàng sẽ chết.

Lời tiên đoán ghê rợn đó làm cho mọi người rung mình và không ai không rơi nước mắt. Bấy giờ bà tiên trẻ mới từ sau rèm bước ra, nói to:

- Công chúa sẽ bị con quay đâm vào tay nhưng đáng lẽ chết đi, nàng chỉ ngủ một giấc dài đến trăm năm. Và hết hạn đó, một hoàng tử sẽ đến đánh thức nàng dậy.

Lệnh nhà vua ban ra cấm mọi người xe sợi bằng con quay.

Hai mươi năm trôi qua. Bữa nọ, công chúa dạo chơi trong lâu đài rồi vui chân leo tuốt lên đỉnh vọng lâu thì thấy một bà già đang ngồi xe sợi. Bà cụ hiền từ chưa nghe được lệnh cấm của nhà vua, Công chúa hỏi:

- Bà ơi, bà đang làm gì đó?

Không biết người hỏi mình là ai, bà cụ đáp:

- Giã xe sợi cô ai.

- Hay quá nhỉ, bà làm thế nào? Bà cho con làm thử có được không?

Nàng vừa cầm lấy con quay thì con quay đâm phải tay ngã xuống ngất đi.

Bà cụ bối rối kêu cứu. Khắp nơi, người ta chạy tới. Người ta làm đủ mọi cách nhưng không cách nào làm cho nàng tỉnh lại được.

Nhớ lại lời tiên đoán của các nàng tiên, nhà vua đặt công chúa vào trong một căn phòng đẹp nhất lâu đài. Nàng nằm trên chiếc giường chăn gối đều giát vàng và bạc. Trông nàng xinh đẹp như một thiên thần, da dẻ vẫn hồng hào vì nàng chỉ thiếp đi chứ chưa chết. Nhà vua ra lệnh cứ để nàng yên ngủ cho tới khi nào nàng thức dậy.

Vừa lúc đó, nàng tiên cuối cùng xuất hiện. Nàng tán thành tất cả những gì nhà vua đã làm. Có điều, sợ khi thức dậy, công chúa sẽ bối rối vô cùng thấy mình cô độc, nàng dùng chiếc đĩa thần gỗ vào tất cả những gì có trong lâu đài (trừ nhà vua và hoàng hậu: quân gia, thị nữ, hầu phòng, thị vệ, pháp quan, đầu bếp, cảnh binh... đĩa thần chạm đến đâu, tất cả đều ngủ đến đó. Họ chỉ thức dậy cùng một lúc với cô chủ để sẵn sàng hầu hạ khi cô cần đến).

Một trăm năm trôi qua. Hoàng tử con vua láng

giềng đi qua lâu đài và ghé lại. Lâu đài lặng lẽ đáng sợ! Chỗ nào cũng là hình ảnh của chết chóc. Chàng đi vào một căn phòng toàn dát vàng, trên chiếc giường màn để hở bốn bên, một cảnh tượng tuyệt vời mà chàng chưa từng trông thấy: Nàng công chúa nằm đó, vẻ đẹp rạng rỡ, phảng phất thần tiên. Chàng bước lại gần rồi quỳ gối bên nàng. Túc thì phép lạ chấm dứt, công chúa thức dậy nhìn chàng với nụ cười hiền dịu trên môi:

- Chàng đó chẳng, hỡi hoàng tử của em? Em để chàng chờ lâu quá phải không?

Lời nói sao mà dịu dàng, duyên dáng. Hoàng tử không biết cách nào để bày tỏ lòng vui sướng và sự biết ơn của mình. Trong lúc đó, cả lâu đài cùng thức dậy với công chúa. Bọn thị nữ đưa hai người vào một phòng khách trang hoàng nhiều gương soi và dùng một bữa cơm thật ngon miệng. Sau đó, họ trở về kinh đô. Tất cả đoàn người hầu hạ đều đi theo công chúa.

Nhà vua và hoàng hậu vô cùng mừng rỡ tổ chức lễ thành hôn cho hai người. Cả nước mở hội vui chơi, tung bừng như chưa bao giờ có.

Truyện cổ dân gian Pháp

SỢI VÚT ĐI

Ngày xưa, có một cô gái xinh đẹp, nhưng phải cái lười biếng và cầu thả. Những khi phải kéo sợi thì cô

làm thật miễn cưỡng, chỉ mắc một tí nút rồi cô vơ cả nắm sợi vút xuống đất.

Người hầu gái của cô làm ăn chăm chỉ đã nhặt những sợi vút đi đó đem giặt, xe lại và dệt được một chiếc áo đẹp.

Một chàng thanh niên đến hỏi cô gái lười làm vợ. Tối hôm làm lễ cưới, cô dâu thấy cô gái chăm chỉ mặc chiếc áo đẹp đang khiêu vũ, liền nói:

- Ài chà! Con bé đang nhảy mặc sợi vút đi của mình.

Chú rể nghe thấy, hỏi chuyện đầu đuôi. Cô dâu kể lại cho chàng biết là cô gái kia mặc chiếc áo dệt bằng sợi cô vút đi.

Chú rể nghe chuyện, thấy vợ thì lười biếng, mà cô gái nghèo kia thì chăm làm. Chàng bỏ cô dâu đứng đấy, lại gặp cô kia và chọn làm vợ.

GRIM (Nhà văn Đức)

Bài sáu

TÌM NGHĨA BÓNG TRONG VẦN XUÔI

Bài mẫu:

NGƯỜI TÙ BINH DA ĐEN



Đêm xuống, trong khu rừng âm u, những đống lửa nhóm lên xôn xao dưới những thân cây cao vút. Người tù binh da đen ngồi trên một tảng đá băng khuâng nhìn những chiến sĩ Việt Nam tùm năm tùm ba cười đùa với nhau. Một nhóm vẫy anh lại, anh rút rề đi tới:

- Thế nào, anh bị bắt có buồn lắm không? Có sợ

không?

Người lính da đen vẫn cười, không dám trả lời thế nào. Anh chiến sĩ lại hỏi:

- Anh có con chưa?
- Có rồi, hai con gái.
- Chúng lớn chưa? Có bằng con gái tôi đây không?

Anh chiến sĩ Việt Nam rút trong túi ra một cuốn sổ tay trong đó có ảnh con gái anh. Người lính da đen không dám cầm lấy cuốn sổ, chỉ ghé mắt nhìn và gật gật.

- Một đứa bằng đấy, một đứa bé hơn.
- Tên chúng nó là gì?

Hai mắt người lính da đen xa mờ đi. Anh chiến sĩ đứng tuổi lại hỏi:

- Sao tóc anh đã hoa râm thế còn đi lính cho Pháp?

Người tù binh ngồi ngây ra, rồi bỗng chảy nước mắt. Giọng ngắc ngứ vừa nói vừa ra hiệu. Anh bắt đầu kể chuyện. Anh là người Ma-rốc, làm thợ mộc ở một làng vùng núi. Nhà có một mẹ già và hai anh em. Pháp đến bắt lính. Người em bỏ trốn vào rừng... Những hình ảnh quê hương xa xôi hiện lên dồn dập như gọi anh trở về nguồn gốc cũ. Đã bao năm, anh hầu như quên mất là anh đã có một cuộc đời khác hẳn của mình.

NGUYỄN ĐÌNH THI

Em làm các việc sau:

Việc 1: Dựng lại hình tượng

1. Em đọc bài văn
2. Em tìm hiểu các từ ngữ: tù binh; Ma-rốc; nguồn gốc; băng khuâng; âm u; tóc hoa râm.
3. Em dựng lại khung cảnh của câu chuyện theo gợi ý sau:
 - Chuyện xảy ra ở đâu? Trong hoàn cảnh nào?
 - Có những ai xuất hiện trong hoàn cảnh ấy? Tìm sự khác biệt giữa những người tù binh da đen và các chiến sĩ Việt Nam.
4. Em dựng lại hình tượng người tù binh da đen theo gợi ý sau:

- Hình dáng bên ngoài?
- Tâm trạng?
- Nguồn gốc của người tù binh da đen đó?

Việc 2: Phân tích hình tượng

1. Người tù binh da đen
 - a- Tìm trong bài những chi tiết mô tả *tâm trạng* người tù binh da đen.
 - b- Đoán và nói ra tâm trạng của người tù binh qua các chi tiết.
 - Người tù binh *băng khuâng* nhìn những chiến sĩ Việt Nam.
 - Một nhóm vẫy anh lại, anh *rụt rè* đi tới, *không dám trả lời*.

- Hai mắt người lính *xa vời* đi.

- Người tù binh *ngồi ngầy người ra rồi bỗng chảy nước mắt*.

c- Vì sao tâm trạng người tù binh da đen lại thay đổi như vậy?

2. Các chiến sĩ Việt Nam

a- Tìm những chi tiết mô tả thái độ của các chiến sĩ Việt Nam đối với người tù binh?

b- Vì sao các chiến sĩ Việt Nam đã cảm hóa được người tù binh da đen? Trong cách nhìn của họ, người tù binh đáng thương hay đáng giận? Có điều gì ở người tù binh làm cho họ thương cảm?

Việc 3: Tìm nghĩa bóng.

1. Em đọc thầm lại cả bài văn.
2. Qua diễn biến tâm trạng của người tù binh da đen, em hiểu được điều gì?
 - (- Về các chiến sĩ Việt Nam?
 - Về cuộc đời của những người lính đánh thuê cho Thực dân Pháp?)
3. Bài văn gây lên trong lòng em những tình cảm như thế nào?

NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP

VỀ THĂM BÀ

Thanh bước lên thềm, nhìn vào trong nhà. Cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi. Sự yên lặng làm Thanh mãi mới cất được tiếng gọi khẽ.

- Bà ơi!

Thanh bước xuống dưới giàn thiên lý. Có tiếng người đi, rồi bà, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

- Cháu đã về đấy ư? - Bà thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

Thanh đi, người thẳng, mạnh, cạnh bà lưng đã còng. Tuy vậy, Thanh cảm thấy chính bà che chở cho mình cũng như những ngày còn nhỏ.

- Cháu đã ăn cơm chưa?



- Dạ chưa. Cháu ở tàu về đây ngay. Nhưng cháu không thấy đói. Bà nhìn cháu, giục:

- Cháu rửa mặt đi rồi đi nghỉ không mệt.

Thanh đến bên bể múc nước vào thau rửa mặt. Nước mát rượi và Thanh cúi nhìn bóng mình trong lòng bể với những mảnh trời xanh.

Lần nào trở về với bà, Thanh cũng thấy thông thả và bình yên như thế. Căn nhà, thửa vườn này như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đây bà lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu Thanh.

Theo THẠCH LAM

"Dưới bóng hoàng lan"

Nhiệm vụ của em

1. Tập đọc diễn cảm bài văn
2. Tình cảm của bà đối với Thanh được bộc lộ qua những chi tiết nào?
3. Thanh có những cảm giác gì mỗi khi trở về với bà, với căn nhà và thửa vườn nơi quê cũ?
4. Bài văn gây lên trong lòng em tình cảm gì?

QUÊ HƯƠNG

Chị Sứ yêu biết bao nhiêu cái chốn này, nơi chị oa oa cất tiếng khóc đầu tiên, nơi quả ngọt trái sai đã

tắm hồng da dẻ chị. Chính tại rẻo đất này, mẹ chị đã hát ru chị ngủ. Và đến lúc làm mẹ, chị lại hát ru con những câu hát ngày xưa...

Chị Sứ yêu Hòn Đất bằng cái tình yêu hầu như là máu thịt. Chị thương ngôi nhà sàn lâu năm có cái bậc thang, nơi mà bất cứ lúc nào, đứng đó, chị cũng có thể nhìn thấy sóng biển, thấy xóm nhà xen lẫn trong vườn cây, thấy ruộng đồng, thấy núi Ba Thê vời vọi xanh lam cứ mỗi buổi hoàng hôn lại hiện trắng những cánh cò.

Ánh nắng lên tới bờ cát, lướt qua những thân tre nghiêng nghiêng, vàng óng. Nắng đã chiếu sáng lòa của biển. Xóm lưới cũng ngập trong nắng đó. Sứ nhìn những làn khói bay lên từ các mái nhà chen chúc của bà con làng biển. Sứ còn thấy rõ những vật lưới đan bằng sợi nilông óng ánh, phất phơ bên cạnh những vật lưới đen ngòm, trụi trụi.

Nắng sớm dắm chiếu người Sứ. Ánh nắng chiếu vào đôi mắt chị, tắm mượt mái tóc, phủ đầy đôi bờ vai tròn trịa của chị.

ANH ĐỨC
Trích "Hòn Đất"

Chú giải

1. Hòn Đất: Vùng đất thuộc tỉnh Kiên Giang ngày nay.

2. Chị Sứ: nhân vật phụ nữ yêu nước trong tiểu thuyết

"Hòn Đất" của nhà văn Anh Đức.

(Bài này trích ở chương: Sứ bị Mỹ - Ngụy giết hại)

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc diễn cảm bài văn

2. Tình yêu quê hương của chị Sứ gắn bó với cảnh vật gì? Nhà văn viết "Chị Sứ yêu Hòn Đất bằng cái tình yêu hầu như là máu thịt", em hiểu câu nói đó như thế nào?

3. Ánh nắng ban mai trên Hòn Đất được mô tả ra sao? Hình ảnh "Nắng sớm dắm chiếu người Sứ. Ánh nắng chiếu vào đôi mắt chị, tắm mượt mái tóc, phủ đầy đôi bờ vai tròn trịa của chị" gợi cho em những liên tưởng gì?

ÔNG LÃO DU KÍCH

Thằng lính cột ông, vừa cột vừa nói giỡn:

- Ông ơi, con bắt buộc phải đánh ông như vậy, chớ ông đáng tuổi để được con.

Ông lão phun nước miếng vào mặt nó, thét:

- Tao không để chi cái giống mày, thứ đồ phản dân hại nước.

Nó tát ông một cái. Ông lão thấy lửa đỏ hết trước mặt. Rồi nó bắt đầu đánh ông. Nó đánh từng chập và hỏi:

- Đêm, ông đưa bao nhiêu người qua sông? Đưa đến đâu? Bao nhiêu người? Khai đi...

Ông lão chỉ lắc đầu, im lặng. Chúng lại đánh nữa...

Cuối cùng ông lão bắt đầu ói máu, ông tưởng mình sắp chết, mới nói với nó:



- Tôi đưa anh em tôi qua sông, bây giờ anh em tôi đang trên đường đi đánh mấy ông đó.

Từ đó cho tới lúc ngắt đi, ông lão không hề rằng nói một lời nào nữa. Sau đó, tưởng ông lão đã chết, chúng bỏ đi qua đống bên kia sông.

Ông lão tỉnh dậy thì thấy nước đã ròng, mới biết là trời đã khuya rồi. Tay chân ông lão bị buộc chặt không còn cử động gì được nữa. Ôi, chẳng lẽ đành chịu chết treo như vậy sao? Ông lão lấy hết hơi sức lần tuột các mối dây. Ông nghĩ: "Có chết thì chân tay cũng phải đụng đất"... Và từ lúc nước ròng cho tới lúc nước lớn ông lão đã tháo dây tuột được xuống đất. Khi bước được xuống đất rồi, ông lão lại nghĩ: "Giờ mình đã chạm được đất rồi thì không thể chết được, mình phải sống đưa anh em qua sông, anh em đi đánh giặc báo thù cho mình".

Ông lão bỏ vô nhà uống gạo nước, lục nồi ăn lưng chén cơm nguội, rồi ngồi tựa cột thức luôn tới sáng không dám ngủ.

LÊ VĂN THẢO

Nhiệm vụ của em

1. Đọc thầm bài văn

2. Em tưởng tượng và tả lại:

- Cảnh ông lão du kích bị lính nguy tra tấn.

- Khi nghĩ rằng mình không sống nổi, ông lão du kích đã hành động như thế nào?

- Khi biết chắc mình còn sống, ông lão du kích đã hành động như thế nào?

3. Nghĩa bóng của bài văn là gì?

4. Em kể lại bài văn theo lời kể của ông lão du kích.

VƯỜN CHIM

Ông lão dựng cuộc ở hè, nhưng chưa vào chòi. Bóng tối mỗi lúc một đen thẫm. Thế mà bên trái mái chòi, bên trên đầu ông lão, cò, diệc, còn bay loạn xạ. Chúng kêu lên, vỗ cánh xoàn xoạt. Hình như những con cò con diệc ấy, nửa muốn đậu xuống, nửa muốn bay lìa khỏi rừng. Ông lão đứng trong bóng đêm nhập nhoạng đưa hai bàn tay nứt nẻ, dính đầy tro bụi sò sò bấu bấu lên ngực.

- Trời ơi!... - ông lão buột miệng kêu rên rĩ là vì giữa lúc đó ông lão đau đớn quá. Giữa lúc đó ông lắng tai nghe thấy được những tiếng đập cánh phân vân, rõ ràng là lũ chim của ông đang không muốn bỏ đi, nhưng đáp xuống thì lại không dám.

- Chưa có trận nào như vậy, thiệt là chưa có mà. - ông lão lẩm bẩm tự nói.

Đêm tối bao phủ cái vườn chim xao xác, trùm phủ bóng ông lão đứng ngược mắt nhìn lên. Tối nay thiệt là một đêm tối khác biệt, có thể nói là một đêm tối tai biến nhất đã xảy ra trong gần suốt bốn mươi năm kể từ khi ông lão tới đây coi giữ vườn chim. Tại góc rừng U Minh hạ miệt giáp biên hòn Đá Bạc này, ông lão đã sống gần trọn cuộc đời. Trong ngót bốn mươi năm, bên mái chòi ông lão ngủ, hầu như không lúc nào ngừng nghỉ tiếng chim kêu, tiếng chim vỗ cánh, tiếng của những chuyến đi và về của không biết cơ man nào là cò và diệc. Những năm tháng dài dặc đã gắn liền đời ông lão với khu vườn chim. Lâu rồi, ông có niềm vui sướng bình dị của riêng ông là chiều nào lũ chim cũng trở lại với ông, kêu lên những tiếng kêu như tiếng khánh, làm rộn rịp cả cụm rừng và vui vẻ bầu trời.

Đời ông lão vất vả cực nhọc đã nhiều, cho nên nguồn vui của ông nó cũng đơn sơ: tình ông đối với vườn chim này là một, và tình ông đối với bộ đội Giải

phóng là hai. Thì chính có lần ông đã thốt: "Cái chi tao dứt bỏ được chỗ cái vườn chim này với mấy thằng bộ đội thì tao không dứt ra được đâu".

ANH ĐỨC



Nhiệm vụ của em

1. Đọc thầm bài văn.
2. Tìm những chi tiết mô tả cảnh vườn chim. Vì sao đàn chim sợ hãi? Vì sao đàn chim xao xác lại làm ông lão đau đớn đến như vậy?
3. Vườn chim với ông lão là biểu tượng của cái gì? Tình cảm của ông lão với vườn chim gợi cho em những ý nghĩ như thế nào?
4. Ông lão vườn chim và ông lão du kích có gì giống nhau?
5. Kể lại lời văn theo lời kể của ông lão vườn chim.

ĐI LÀM NƯƠNG

Ở làng người Thái và người Xá, đến mùa đi làm nương thì trên sàn, dưới sân mọi nhà đều vắng tanh. Cả làng đều đi làm nương; nương xa, nhiều khi lên tận ngọn suối.

Con ngựa đeo tất cả đồ đạc và nông cụ trên lưng. Có khi nó còn thồ thêm một chú bé ngồi vắt vẻo bên cạnh một cái nôi to. Mấy con chó thì lon ton, loăng quăng lúc chạy trước, lúc chạy sau.

Trên nương, mỗi người một việc, người lớn thì đánh trâu ra cày, các cụ già nhặt cỏ đốt lá. Mấy chú bé đi tìm chỗ ven suối để bắc bếp thổi cơm. Chẳng mấy chốc, khói bếp đã um lên. Các bà mẹ cúi lom khom tra ngô. Được mẹ địu ẵm, có khi em bé vẫn ngủ khì trên lưng mẹ. Lũ chó nhung nhăng chạy sủa om cả rừng.

Những khi đi làm nương xa; chiều không kịp về, mọi người ngủ lại trong lều. Sương xuống mù mịt lạnh buốt. Những bữa cơm tối, các gia đình quây quần ấm áp quanh đống củi lớn đương bùng cháy.

TÔ HOÀI

Nhiệm vụ của em

1. Đọc thầm bài văn
2. Tìm những chi tiết, hình ảnh mô tả cảnh làm nương

của đồng bào các dân tộc vùng cao

(- Cảnh lên nương như thế nào? các từ "vắt vẻo" "loăng quăng" gợi tả hình ảnh gì?

- Cảnh làm nương như thế nào?

- Cảnh đêm trên nương như thế nào?)

3. Bài văn gợi cho em ý nghĩ, tình cảm gì đối với đồng bào các dân tộc vùng cao?

CÁ HEO Ở BIỂN TRƯỜNG SA

Đêm trăng. Biển yên tĩnh. Tàu Phương Đông của chúng tôi buông neo trong vùng biển Trường Sa.

Một số chiến sĩ thả câu. Một số khác quây quần trên boong sau, ca hát, thổi sáo. Buổi văn nghệ đang đầy ắp tiếng cười, bỗng biển có tiếng động mạnh, nước đập ùm ùm như có người tập bơi. Một chiến sĩ kêu lên: "Cá heo!". Thì ra cá heo thấy chiến sĩ hò hét vui quá, gọi nhau quây đến quanh tàu để chia vui.



Cá heo giống tính trẻ em, thích nô đùa, thích được cổ vũ. Anh em ulla ra vỗ tay hoan hô "A! Cá heo nhảy múa đẹp quá!". Thế là cá thích, nhảy vút lên thật cao. Có chú quá đà, vọt lên boong tàu cách mặt nước đến một mét. Có lẽ va vào sắt bị đau, chú nằm im, mắt nhắm nghiền, phía đuôi bị rách một mảng.

Một chiến sĩ đến nâng con cá lên hai bàn tay, nói nựng:

- Có đau không chú heo? Lần sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé, đừng nhảy lên boong tàu.

Anh chiến sĩ vuốt ve con cá rồi thả xuống nước. Cả đàn quay ngay lại, quay đầu về phía boong tàu, nhảy vung lên một cái như để cảm ơn rồi tỏa ra biển rộng.

Hôm sau, tàu nhỏ neo. Đàn cá heo lại kéo đến. Chúng bơi trước mũi tàu như kẻ dẫn đường, quyến luyến không muốn chia tay. Đúng là đàn cá heo hôm qua. Anh chiến sĩ nhận ra chú cá có mảng đuôi bị rách...

Theo HÀ ĐÌNH CẦN

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc thầm bài văn.
2. Tìm những hình ảnh, chi tiết mô tả cá heo ở Trường Sa?

(- Những chi tiết nào chứng tỏ cá heo thích nô đùa và

thích được cổ vũ?

- Những chi tiết nào chứng tỏ cá heo rất quyến luyến với người?)

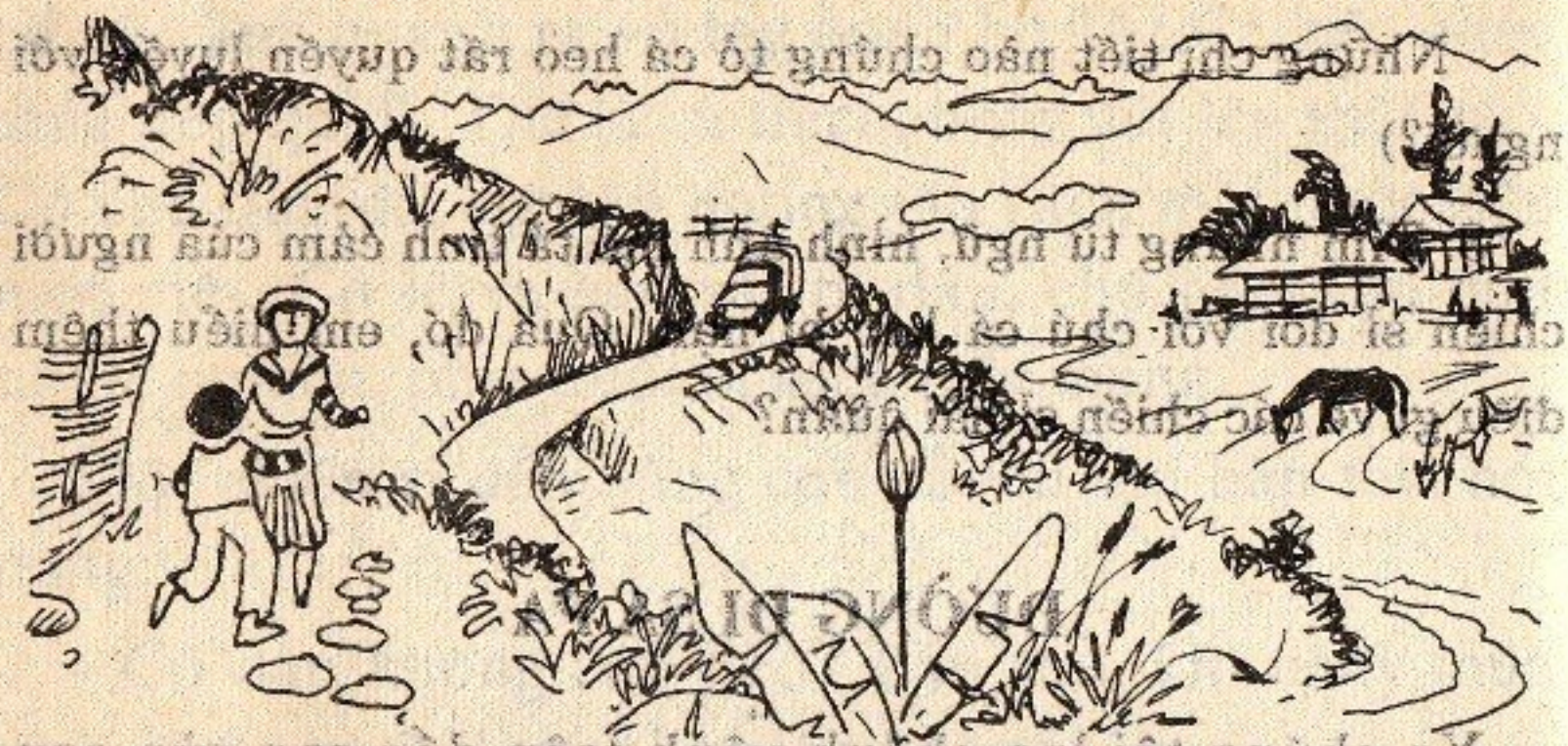
3. Tìm những từ ngữ, hình ảnh mô tả tình cảm của người chiến sĩ đối với chú cá heo bị nạn. Qua đó, em hiểu thêm điều gì về các chiến sĩ hải quân?

ĐƯỜNG ĐI SA PA

Xe chúng tôi lao chênh vênh trên dốc cao của con đường xuyên tỉnh Hoàng Liên Sơn. Những đám mây trắng như xà xuống cửa kính ô tô tạo nên một cảm giác bồng bênh như huyền ảo. Chúng tôi đang đi bên những thác trắng xóa tựa mây trời, những rừng cây âm âm, những bông hoa chuối rục lên như ngọn lửa. Tôi lim dim mắt ngắm mấy con ngựa đang ăn cỏ trên một vườn đào ven đường. Con đen huyền, con trắng tuyết, con đỏ son, chân dịu dàng, chùm đuôi cong lướt thướt liễu rủ.

Buổi chiều xe dừng lại ở một thị trấn nhỏ. Nắng phố huyện vàng hoe. Những em bé Hmông mất một mí những em bé Tu Dí, Phù Lá cổ đeo móng hổ, quần áo sặc sỡ đang chơi đùa trước cửa nhà mậu dịch. Hoàng hôn, áp phiên của phiên chợ thị trấn, người ngựa dập dìu chìm trong sương núi tím nhạt. Đến thị trấn có xòe kèn đôi thổi dặt dìu, mọi người nắm tay nhau múa, vừa múa vừa hát:

Không múa hát không về



Không xoe lúa không tốt.

Hôm sau, chúng tôi đi Sa Pa. Phong cảnh ở đây thật đẹp. Thoắt cái, lác đác lá vàng rơi trong khoảng khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hây nồng nàn với những bông hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.

Sa Pa quả là món quà tặng diệu kì thiên nhiên dành cho đất nước ta.

Theo NGUYỄN PHAN HÁCH

Nhiệm vụ của em

1. Đọc thầm bài văn

2. Trên đường đi Sa Pa, tác giả đã nhìn thấy, nghe thấy và cảm thấy những gì?

(Chú ý tới những nét đặc sắc của cảnh vật và con người vùng cao so với miền đồng bằng)

3. Sa Pa được mô tả như thế nào? Từ "Thoắt cái..." được lặp đi lặp lại trong đoạn văn diễn tả điều gì?

4. Hãy nói những ý nghĩ, những tình cảm mà bài văn đã gây nên trong lòng em.

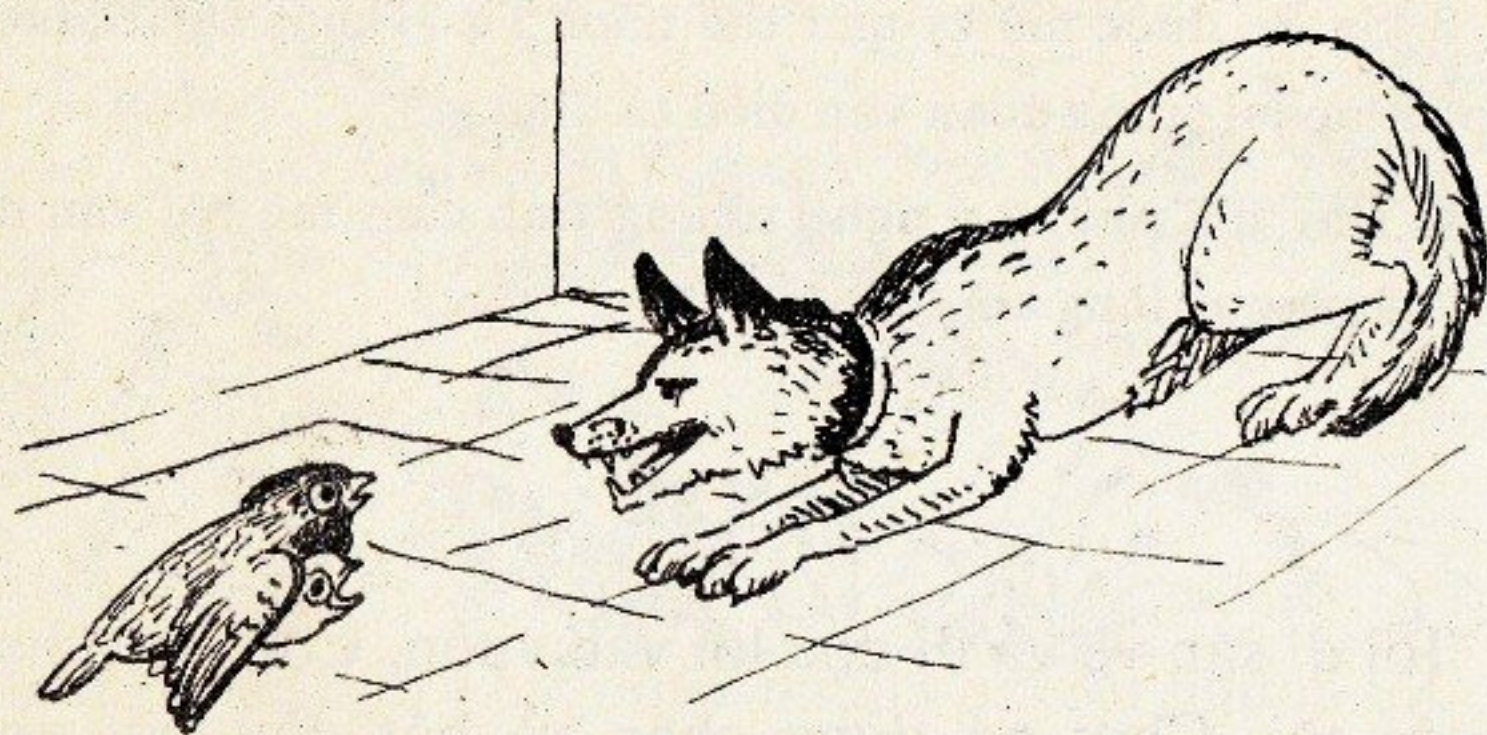
CON SẾ

Tôi đi săn về và đi dọc lối vào vườn. Con chó chạy trước tôi. Chợt nó dừng chân và bắt đầu bỏ, như tuồng đánh hơi được vật gì. Tôi nhìn dọc lối đi và thấy một con sế non mập vàng óng bóng trên đầu có một nhúm lông tơ. Nó rơi từ trên tổ xuống.

Con chó sấn lại gần, chặm rửi. Bỗng một con sế già có bộ ức đen nhánh, từ một cái cây gần đó, lao xuống như một hòn đá ngay trước mõm nó. Lông dựng ngược, thét lên một tiếng tuyệt vọng và thảm thiết, con sế nhảy hai, ba bước về phía cái mõm há rộng đầy răng.

Con sế già lao đến cứu con, lấy thân mình phủ kín sế con, nhưng cả người nó run lên vì khiếp sợ. Cái giọng nhỏ bé của nó nghe hung dữ và khản đặc: nó té dại đi vì hãi hùng, nó sẽ hi sinh, trước mặt nó là con chó như một con quỷ khổng lồ. Dầu sao thì sế già vẫn có thể náu kín trên cành cây cao và chắc chắn kia.

Song một sức mạnh lớn hơn ý muốn của nó đã cuốn nó xuống đất.



Con chó của tôi dừng lại và lùi... Phải hiểu cho nó, nó cũng biết là đằng trước nó có một sức mạnh. Tôi vội lên tiếng gọi con chó đang bối rối ấy và tôi lánh xa, lòng đầy thán phục.

Vâng, lòng tôi đầy thán phục, xin bạn đừng cười. Tôi kính cẩn nghiêng mình trước con chim sẻ bé bỏng dũng cảm kia, trước tình yêu của nó.

I-VAN TUR-GHÊ-NÊP (Nhà văn Nga)

Nhiệm vụ của em:

1. Đọc diễn cảm bài văn.
2. Tìm trong bài những hình ảnh, chi tiết diễn tả tình yêu con vĩ đại của mẹ.

3. Hình ảnh con chó lùi lại trước con sẻ nói lên điều gì?

5. Em có những liên tưởng gì sau khi đọc bài văn trên.

CON CHÓ BUN-KA CỦA TÔI

Tôi có một con chó nhỏ. Tên nó là Bun-ka. Lông nó đen tuyền, trừ hai đầu bàn chân trước màu trắng. Giống chó gộc có hàm dưới dài hơn hàm trên, và răng hàm trên khớp với răng hàm dưới. Thế nhưng ở con Bun-ka, hàm dưới lại chìa ra khá rõ, đến mức có thể nhét một ngón tay vào giữa hai hàm răng. Mồm nó to, mắt to, đen lóng lánh. Răng nó trắng, lúc nào cũng nhe ra. Nó giống như một người mọi đen.



Nó không dữ và chẳng cắn ai bao giờ. Nhưng nó vô cùng mạnh mẽ và bền bỉ. Khi nó bám vào cái gì thì hai hàm răng nó cắn chặt đến nỗi nó dính vào đó như một mỏ giẻ.

Một hôm nó được sùu xông vào một con gấu. Nó ngoạm vào tai con gấu, và cứ bám mãi như một con đĩa. Mặc cho con gấu cào và lắc nó tứ tung, gấu vẫn không tài nào thoát ra được. Cuối cùng gấu lăn ra đất định đè bẹp con Bun-ka, nhưng con chó vẫn chỉ chịu buông ra khi mọi người lấy nước lạnh dội vào nó.

Tôi có nó từ khi nó bé tí và tự tay tôi đã nuôi nấng nó. Khi tôi đi Cáp-ca, định bụng không đem nó theo, tôi đã lên đi khỏi nhà sau khi ra lệnh giam nó lại.

Đến trạm dừng đầu tiên, vào lúc tôi sắp bước lên xe, tôi chợt thấy trên đường có cái gì đó vừa đen và óng ánh. Đó là con Bun-ka với chiếc vòng cổ bằng đồng. Nó lao đến trạm dừng, nhảy chồm vào người tôi, liếm tay tôi, rồi nằm lăn dưới bóng râm dưới xe trượt. Lưỡi nó thè dài ra như một bàn tay. Khi thì nó rụt lưỡi lại, nuốt nước dãi, khi nó lại thè ra liếm tay tôi... Nó thở hồng hộc, hai bên sườn run rẩy, nó quẩn quại người, đuôi đập xuống đất. Sau đó, tôi được biết rằng, sau khi tôi ra đi, nó đã nhảy qua cửa sổ, làm vỡ cả cửa kính. Và theo dấu vết tôi, nó chạy nước đại trên đường dài gần hai chục vec-xta như thế đó.

LIẾP TÔN-XTÔI (Nhà văn Nga)

(P.T. dịch)

Nhiệm vụ của em

1. Đọc kỹ bài văn

2. Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả hình dáng bên

ngoài của Bun-ka. Cách miêu tả như vậy nhằm bộc lộ điều gì trong tính cách của nó?

3. Tưởng tượng và viết ra những ý nghĩ của Bun-ka?

- Khi nghĩ về chủ?

- Khi bị nhốt lại và biết chủ đã ra đi?

- Khi gặp lại chủ?

4. Bài văn gây nên trong lòng em tình cảm gì?

CÁI BẾP LÒ

Sáng tháng chạp. Trời rét căm căm. Hai bên đường đi, cánh đồng phủ kín tuyết trắng. Tôi che sụp mũ xuống mắt, cổ áo da che kín mũi, và đi ngược gió. Chợt tôi thấy bên đường, trước mặt tôi, một em bé trai quàng mười tuổi. Em đi đầu trần, mặt mũi đỏ ửng lên vì rét. Hai tay thủ trong túi, em đi rất nhanh.

- Chào bác, em bé nói với tôi.

- Cháu đi đâu vậy? tôi hỏi em.

- Thưa bác, cháu đi học.

- Sáng nay rét lắm. Thế mà vẫn đi à?

- Thưa bác, vâng. Rét lắm, mà nhà cháu lại không

đốt lò. Chúng cháu rét công cả người.

- Nhà cháu không có than ư?

- Thưa bác, than đắt lắm.

- Cháu vội đi học thực. Cháu thích đi học lắm ư?

Cháu yêu trường chứ? Cháu yêu thầy chứ?

Đôi mắt xanh đẹp đẽ của em bé sáng long lanh khi em đáp lời tôi:

- Thưa bác, vâng... Cháu yêu thầy giáo lắm... Thầy có cả một cái bếp lò...

A. ĐÔ ĐÊ (Nhà văn Pháp)
(P.T. dịch)

Nhiệm vụ của em

1. Đọc diễn cảm bài văn.
2. Hình ảnh em bé ở trong bài có nét gì đáng yêu? Có điều gì đáng thương?
3. Em đọc thầm lại câu cuối cùng của bài: "Thưa bác, vâng... Cháu yêu thầy giáo lắm... Thầy có cả một cái bếp lò..."

Theo em, em bé đến trường có phải vì yêu thầy giáo không? Vì sao em phải vượt qua cánh đồng đầy tuyết để đến trường?

NGƯỜI ĂN XIN

Lúc ấy tôi đang đi trên đường phố, một người ăn xin già lòm khòm đứng ngay trước mặt tôi.

Đôi mắt đỏ nọc và giàn giụa nước, đôi môi tái nhợt quần áo tả tơi thảm hại, và những mụn lở loét trên người... ôi chao! cảnh nghèo đã gặm nát con người

đau khổ kia thành xấu xí biết chừng nào.

Ông già chìa trước mặt tôi bàn tay sưng húp, bẩn thỉu. Ông ta rên rỉ cầu xin cứu vớt.



Tôi lục tìm hết túi nọ đến túi kia. Không có tiền, không có đồng hồ, không có cả chiếc khăn tay, trên người tôi chẳng có tài sản gì hết.

Người ăn xin vẫn đợi tôi, tay vẫn chìa ra run lẩy bẩy. Tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay bẩn thỉu kia:

- Ông đừng giận cháu, cháu không có gì cho ông cả.

Người ăn xin nhìn tôi chăm chăm bằng con mắt ướt đẫm, đôi môi tái nhợt nở nụ cười và tay cũng xiết lấy cánh tay tôi:

- Cháu ơi, cảm ơn cháu. Như vậy là cháu đã cho lão rồi - ông lão nói bằng giọng khàn đặc.

Khi ấy, tôi chợt hiểu rằng, cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một chút gì của lão.

I. TUR-GHÊ-NÉP (Nhà văn Nga)
(P.T. dịch)

Nhiệm vụ của em

1. Đọc diễn cảm bài văn.
2. Tìm trong bài những từ ngữ, hình ảnh mô tả người ăn xin.
3. Nhân vật "người ăn xin" và nhân vật "tôi" trong bài có nét gì giống nhau?
4. Câu cuối cùng của bài: "Khi ấy, tôi chợt hiểu rằng, cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một chút gì của lão" em hiểu như thế nào?
5. Nói những ý nghĩ của em sau khi đọc xong bài.

NHỮNG BÀI ĐỌC THÊM

NGHÈO

- Bu ơi, con đói...

Lần này có lẽ là lần thứ mười, thằng cu Bé chạy về đòi ăn, chị dĩ Chuột đang quấy một nồi gì trong bếp, cái tiết quay ra máng át nó đi:

- Đã bảo hết cơm rồi, tí nữa chè chín thì ăn chè mà...

Thấy mẹ gắt, thằng cu không dám đòi ăn nữa, nhưng mặt nhăn nhó bịu xịu như muốn khóc. Chị dĩ Chuột thương hại, dịu dàng bảo:

- Con chạy ra vườn xem chị Gái làm cỏ, lúc nào chè chín bu gọi về cho mà ăn... chóng ngoan rồi bu thương.

Nhưng nó không nhúc nhích, mà nó còn nhúc nhích làm sao được: một nắm cơm nhỏ ăn từ sáng đã bị cái dạ dày chăm chỉ của con nhà nghèo tiêu hết đến phèo một cái rồi còn chi. Nó ngồi phịch xuống đất, gục đầu, gục đầu vào ngưỡng cửa, ngáp...

- Sắp chín chưa bu?



Quay ra vẫn còn thấy con nằm phục đấy, mắt lơ lơ như chết lả, chị chép miệng:

- Thôi đây, chín chả chín thì dùng, bắc mẹ nó ra

cho chúng mày ăn, không có chúng mày làm tội cũng chết. Chốc lại nheo nhéo...

Chị vừa lăm bằm, vừa đập lửa, rồi bắc cái nồi trên bếp xuống, lấy một cái vỏ trai múc vào mấy cái bát sành sứ mẻ tú tung, đặt ngay trên mặt đất. Thằng cu Bé vội vàng lê xích lại gần, hai mắt lóng lánh đổ dồn cả vào mấy bát "chè" màu nâu đục, khói bốc lên nghi ngút. Mồm nó nuốt nước bọt ừng ực, mũi nó nở hân ra như để hít lấy hương vị của khói chè ngon ngọt. Chị đi Chuột phải đưa tay ra cản nó lại, sợ nó sà vào mà bị bỏng. Chị bảo nó:

- Còn nóng lắm, chưa ăn được. Con ra vườn gọi chị về cho chị ăn với không phải tội chết, nó làm quần quật từ sáng tới giờ mà chưa được tí gì vào bụng.

Không đợi đến hai tiếng, con Gái hôn hờ chạy về, lôi thoi lếch thếch trong mấy mảnh giẻ rách tả tơi. Vừa đến bếp nó đã reo lên:

- Sướng quá! Lại được ăn chè kia chứ, có ngọt không bu? Bu lấy đâu được mật mà nấu chè như thế?

Chị Chuột mắng yêu con:

- Úi chà! Tiu tit như con mẹ đại ấy! Tha hồ ăn đến chán chè, chỉ sợ không sao nuốt được thôi, con ạ.

Rồi chị bảo thằng cu Bé:

- Bé lại đây, bu cho ăn.

Thằng cu ngồi xồm bên mẹ, héch mặt lên, há hốc mồm ra như con chim con dơi mẹ mớm mồi. Một miếng vừa vào mồm, nó đã vội nuốt thỏm đi, khen "ngon quá". Nhưng chưa kịp ăn miếng nữa, nó đã ọe

một cái, mũi đỏ lên, nước mắt ứa ra giàn giụa...

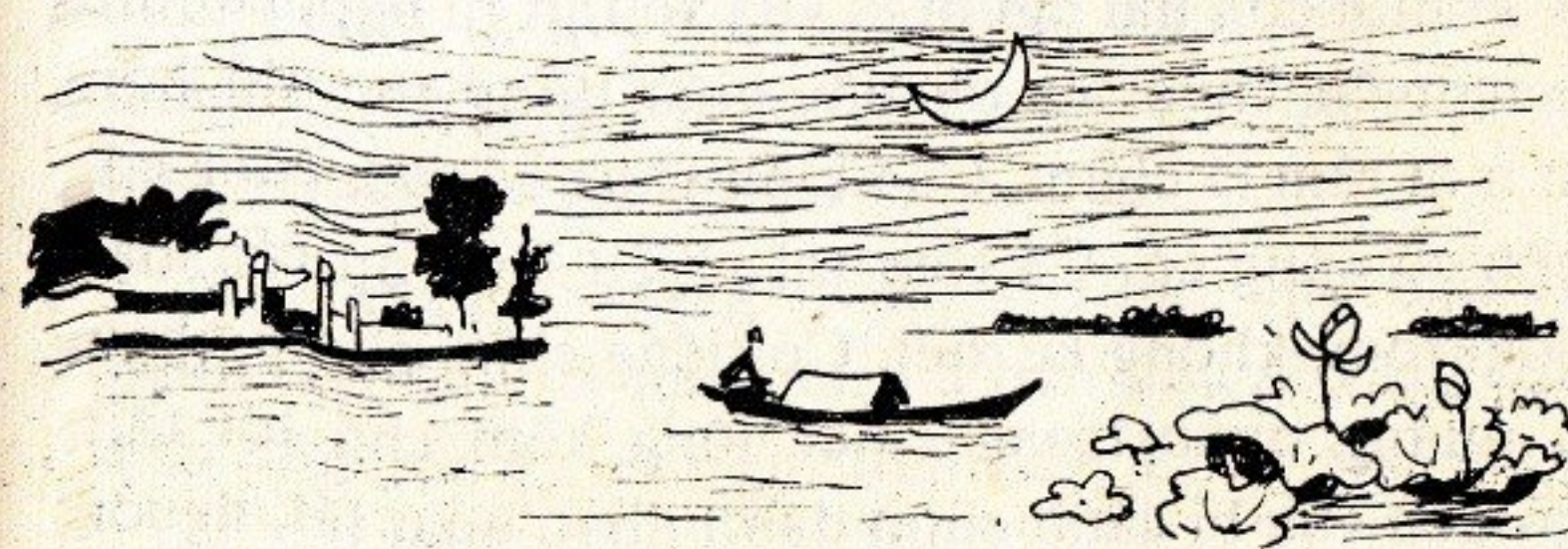
TRÍCH NAM CAO

(Truyện Nghèo)

ĐÊM TRĂNG TRÊN HỒ TÂY

Hồ về thu, nước trong vắt mênh mông. Trăng tỏa sáng rọi vào các ngọn sóng lăn tăn. Thuyền ra khỏi bờ thì hây hây gió đông nam, sóng vỗ rập rình. Một lát, thuyền vào gần một đám sen. Bây giờ, sen trên hồ đã gần tàn nhưng vẫn còn lơ thơ mấy đóa hoa nở muộn. Mùi hương đưa theo gió chiều ngào ngạt. Thuyền theo gió cứ từ từ mà đi ra giữa khoảng mênh mông. Đêm thanh cảnh vắng, bốn bề lặng ngắt như tờ, chỉ nghe mấy tiếng cá "tắc, tắc" ở dưới đám rong, mấy tiếng chim kêu "oác, oác" ở trong bụi niễng. Trông về phía sau kia là đền Quan Thánh, đây là chùa Trấn Quốc. Cây cối vài đám um tùm, lâu đài mấy tòa ẩn hiện. Mặt trước phẳng lì, da trời xanh ngắt. Phong cảnh đó có khác gì một bức tranh sơn thủy?

PHAN KẾ BÌNH



MỘT XÓM CHỢ NAM BỘ

Tôi ngồi đong dưa trên mui một chiếc thuyền chở gạo, ngóng lên chợ. Đèn măng-sông trong các hiệu buôn, các tiệm ăn thấp lên sáng rực. Chỗ khoảng sân rộng, những người đàn bà nông dân mặc quần áo bà ba đen, khăn rằn vắt chéo qua vai ngồi xếp từng dãy dài sau những chiếc cần xé to tướng, những chiếc thúng đựng đầy ớt trông không rộng và không biết là thứ gì mà họ mang ra chợ bán. Mỗi người bán hàng đều có thấp một ngọn đèn con ở chỗ mình ngồi. Và những người đi chợ, cũng có nhiều người cầm theo trên tay một ngọn đèn.

Đèn người mua, đèn người bán cứ như sao sa.

Thoáng cái, tôi đã đặt chân lên bờ. Chao ôi! chợ gì mà lạ kì thế này? Một con ba ba to gần bằng cái nong, đặt lật ngửa, cứ ngo ngoe bơi bơi bốn chân, trước ông cụ già ngồi lim dim đôi mắt. Những con rùa to gần bằng cái tô, đều tằm tấp như đổ ở cùng một cái khuôn ra, nằm rứt cổ trong mấy chiếc giỏ cần xé. Đây là một con nai người ta vừa xẻ thịt ra bán, cái thủ còn nguyên chưa lột da bày giữa đồng thịt đỏ hồng trên một tấm lá chàm. Cua biển cũng có, ếch cũng có, nghêu sò cũng có. Cá tôm thì nhiều lắm, đủ các loại cá loại tôm, không kể xiết. Có tiếng chim gì mổ nhau kêu quàng quác trong chiếc lồng kẽm chỗ tôi tối: ngọn đèn vừa bị cánh chim đánh nhau quật tắt, người

chủ bán chưa kịp thấp lên. Một chú khỉ con cứ nhảy qua nhảy lại lia lịa, chồm vồn trèo lên đồng bí ngô. Thấy tôi đi qua, nó nhe răng khếch khếch, ngó tôi rồi quay lại nhìn người chủ, dường như muốn bảo tôi hỏi giùm tại sao ông ta không thả mối dây xích cổ ra để nó được tự do đi chơi như tôi.

DOÀN GIÒI

Lược trích "Đất rừng phương nam"

HOA HỌC TRÒ



Phượng không phải là một đóa, không phải vài cành, phượng đây là cả một loạt, cả một góc trời đỏ rực. Mỗi hoa chỉ là một phần tử của cái xã hội thắm tươi: người ta quên đóa hoa chỉ nghĩ đến cây, đến hàng, đến những tán lớn xòe ra, trên đậu khít nhau muôn ngàn con bướm thắm.

Mùa xuân, phượng ra lá, lá xanh um, mát rượi, ngon lành như lá me non. Lá ban đầu xếp lại, còn e; dần dần xòe ra cho gió đưa đẩy. Lòng cậu học trò

phối phối làm sao! Cậu chăm lo học hành, rồi lâu cũng vô tâm quên màu lá phượng. Một hôm, bỗng đâu trên những cành báo ra một tin thắm: mùa hoa phượng bắt đầu! Đến giờ chơi, học trò ngạc nhiên nhìn trông: hoa nở lúc nào mà bất ngờ dữ vậy!

Bình minh của hoa phượng là một màu đỏ còn non, nếu có mưa lại càng tươi dịu. Ngày xuân dần hết, số hoa tăng, màu cũng đậm dần. Rồi hòa nhịp với mặt trời chói lói, màu phượng mạnh mẽ kêu vang: hè đến rồi! Khắp thành phố bỗng rực lên, như đến Tết nhà nhà đều dán câu đối đỏ. Sớm mai thức dậy, cậu học trò vào hân hoan mùa phượng.

XUÂN DIỆU

ĐẾ MÈN

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi trước kia ngắn cùn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vỗ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi

rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng mảng, rất bóng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.

Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu nhún nhảy khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu cho ra kiểu cách con nhà võ. Tôi tự lắm, dám cá khía với tất cả bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhin, không ai đáp lại. Bởi vì quanh quẩn, ai cũng quen thuộc mình cả, không nói, có lẽ họ nể hơn là sợ. Nhưng tôi lại tưởng như thế là không ai dám ho he. Ấy vậy, tôi cho là tôi giỏi. Những gã xốc nổi thường làm cử chỉ ngông cuồng là tài ba. Tôi đã quát mấy chị cào cào ngụ ngoài đầu bờ, khiến mỗi lần thấy tôi đi qua, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm. Thỉnh thoảng tôi ngửa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lắm láp vừa ngo ngác dưới đầm lên. Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi.

Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình thôi.

TÔ HOÀI

(Trích "Đế men phiêu lưu kí")

CON GÁI CHÚ MỖ THÔN CHIỀU

Người ta đồn âm lên, con gái chú mõ làng Chiều đẹp hơn cả Tiên.

Nhà chú sát đình kề bên đường. Tôi sang bà ngoại chơi, nhiều lần nhìn trộm qua hàng rào tre xem chị ấy thế nào? Không thấy chị. Rồi có một hôm giữa ngày đình Chiều vào đám, tôi nhìn thấy chị. Chị đang múc nước ở giếng đình. Đúng rồi! Ôi chao! Người ta đồn chẳng sai! Tiên thì tôi chưa nhìn thấy, chỉ nhìn thấy những cô Tiên ở vỏ bánh pháo.

Tôi so sánh thế này: Tiên giàu, tiên mặc toàn lụa là gấm vóc, mặc đẹp hơn chị nhiều. Ngày hội, Tết, chị chỉ mặc váy lĩnh đen bóng, áo nâu bó vào mình. Chị mặc yếm trắng, vắn đầu trần, bàn chân chị có đôi gót đỏ, đi đất, hai bàn tay có ngón thon thon, mặt chị trắng không kém mặt Tiên, môi chị đỏ không kém môi Tiên. Tiên kém chị hai con mắt, vì mắt chị biết đưa ngang đưa dọc, mi biết chớp. Tiên kém chị cái miệng. Miệng chị biết cười. Tiên kém hẳn chị cái dáng đi, vì Tiên cứ đứng im ở chỗ vỏ bánh pháo, có bao giờ đi đâu mà biết dáng đi. Chị đi nhịp nhàng theo đòn gánh. Tay dung đưa, bàn tay đỏ au như màu hoa sen vẩy ra đằng sau. Đổ nước vào vại xong, chị ra đường đi đâu ấy.

Ít lâu sau, nghe đồn có quan Tri huyện đi qua bắt

gặp chị, quan mê tít thờ lờ. Chị van, chị lạy quan Tri huyện. Chị còn khóc nữa.

Nghe nói quan Tri huyện đã mang chị đi. Tôi ở làng bên cạnh nên không biết. Khi đi qua, chẳng thấy chị nữa. Riêng cái nhà thì xơ xác hơn xưa.

DUY KHÁN

(Trích "Tuổi thơ im lặng")

KIỂM TRA CUỐI BÀI

Em chọn một trong hai đề sau:

Đề 1: Em tưởng tượng em là một chiến sĩ Việt Nam trong bài "Người tù binh da đen" của Nguyễn Đình Thi. Em hãy kể lại cuộc gặp gỡ của em với người tù binh và nói rõ cảm nghĩ của em về người tù binh đó.

Đề 2: Trong phần văn xuôi em đã học ở lớp Ba, (kể cả những bài đọc thêm) em thích bài nào nhất? Em viết lại bài đó theo lời của một nhân vật trong bài.



Bài bảy

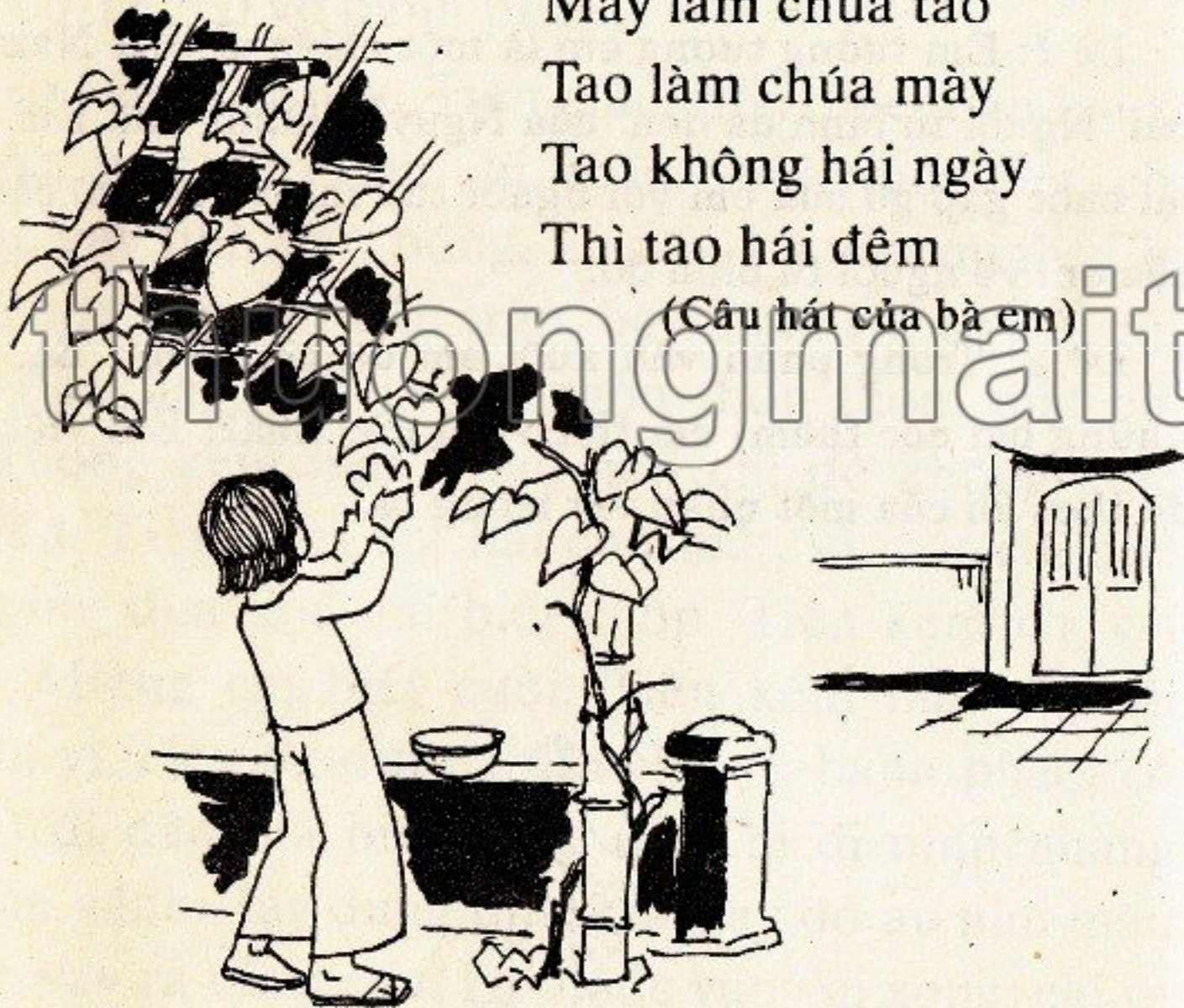
TÌM NGHĨA BÓNG TRONG THƠ.

Bài mẫu:

DÁNH THỨC TRẦU.

Trầu trầu trầu trầu
Mày làm chúa tao
Tao làm chúa mày
Tao không hái ngày
Thì tao hái đêm

(Câu hát của bà em)



Đã ngủ rồi hả trầu?
Tao đã đi ngủ đâu
Mà trầu mày đã ngủ?
Bà tao vừa đến đó
Muốn có mấy lá trầu
Tao không phải ai đâu
Đánh thức mày để hái!
Trầu ơi!, hãy tỉnh lại
Mở mắt xanh ra nào
Lá nào muốn cho tao
Thì mày chìa ra nhé
Tay tao hái rất nhẹ
Không làm mày đau đâu...
Đã ngủ chưa hả trầu?
Tao hái vài lá nhé
Cho bà và cho mẹ
Dùng lụi đi trầu ơi!

TRẦN DĂNG KHOA.

Em làm những việc sau:

Việc 1: Dựng lại hình tượng

1. Đọc bài thơ (Chú ý tới vần và nhịp của bài)

2. Đọc thầm cả bài thơ và cho biết: Em hình dung thấy một cảnh như thế nào?

Gợi ý cho em:

- Tác giả đánh thức trầu để làm gì? Tại sao tác giả lại sợ phải đánh thức trầu?

- Tác giả nói với trầu những gì?

- Tác giả lo lắng những gì?

- Tác giả yêu những gì ở lá trầu?

Việc 2: Phân tích hình tượng tìm nghĩa bóng.

1. Phân tích tình cảm của tác giả đối với giàn trầu.

Gợi ý cho em:

- Giọng của tác giả khi nói với giàn trầu như thế nào?

- Cử chỉ của tác giả đối với giàn trầu như thế nào?

- Cách nhìn của tác giả về giàn trầu như thế nào?

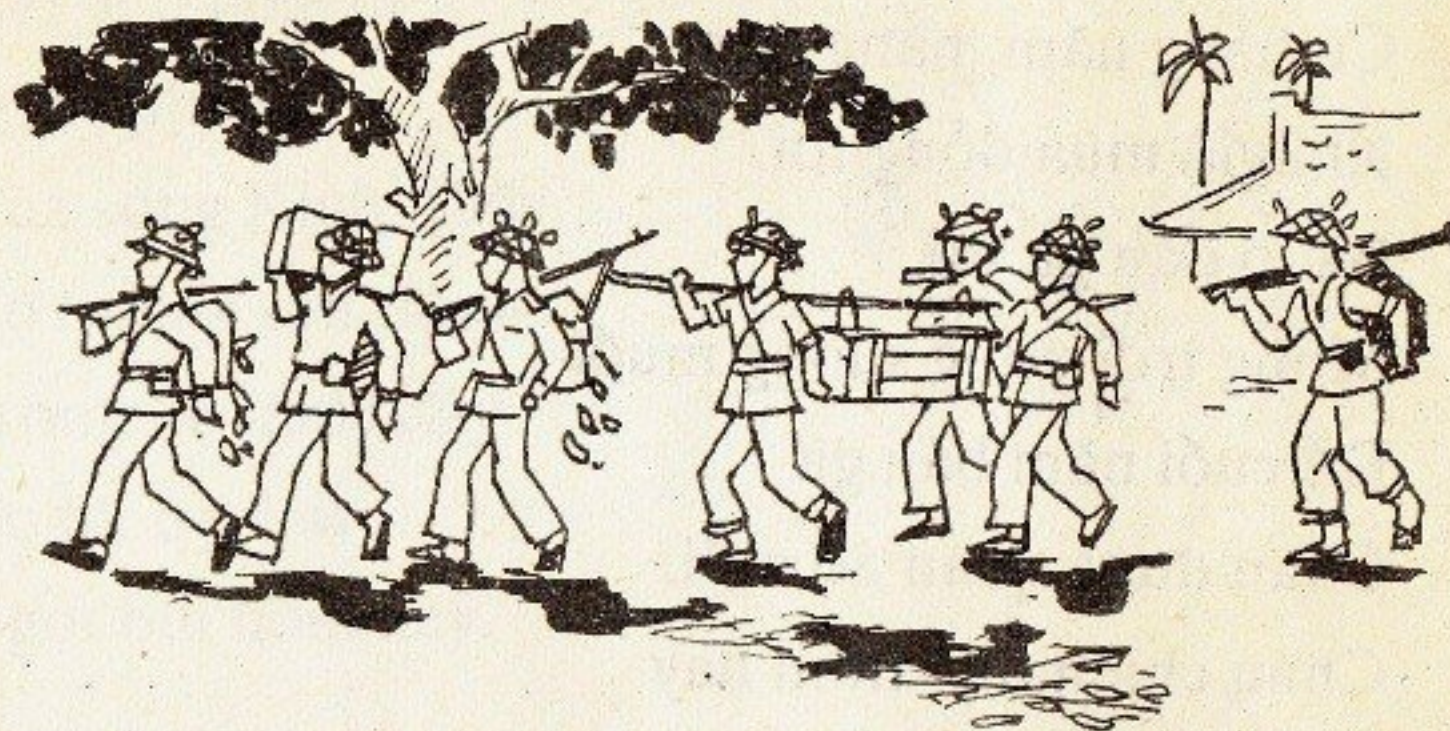
2. Lời tâm tình của tác giả đối với giàn trầu là cái cơ để tác giả bộc lộ điều gì? Em tưởng tượng và nói ra ý nghĩ của tác giả khi đứng dưới giàn trầu trong đêm.

3. Tìm nghĩa bóng của bài

(Hỏi cách khác: Qua bài thơ, em hiểu gì về tình cảm của tác giả đối với bà, với mẹ, với quê hương?)

NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP

TIẾNG GÀ TRƯA



Trên đường hành quân xa

Dừng chân bên xóm nhỏ

Tiếng gà ai nhảy ổ

"Cục... cục tác... cục ta..."

Nghe xao động nắng trưa

Nghe bàn chân đỡ mỏi

Nghe gọi về tuổi thơ.



Tiếng gà trưa

Ổ rơm hồng những trứng

Này con gà mái tơ

Khắp mình hoa đốm trắng

Này con gà mái vàng
 Lông óng như màu nắng.
 Cứ hàng năm, hàng năm
 Khi gió mùa đông tới.
 Bà lo đàn gà toi
 Mong trời đừng sương muối
 Để cuối năm bán gà
 Cháu được quần áo mới.
 Cháu chiến đấu hôm nay
 Vì lòng yêu Tổ Quốc
 Vì xóm làng thân thuộc
 Bà ơi, cũng vì bà
 Vì tiếng gà cục tác,
 Ổ trứng hồng tuổi thơ.

XUÂN QUỲNH

Nhiệm vụ của em

1. Tập đọc diễn cảm bài thơ
2. Bài thơ diễn tả tâm tình của ai? Diễn tả như thế nào?

(Chú ý tới những cảm giác, ý nghĩ, kỉ niệm của người chiến sĩ khi trên đường hành quân bỗng nghe thấy tiếng gà trưa)

3. Tác giả yêu điều gì và muốn mọi người cùng yêu điều gì?

HẠT GẠO LÀNG TA

Hạt gạo làng ta
 Có vị phù sa
 Của sông Kinh Thầy
 Có hương sen thơm
 Trong hồ nước đầy
 Có lời mẹ hát
 Ngọt bùi hôm nay.



Hạt gạo làng ta
 Có bão tháng bảy
 Có mưa tháng ba
 Giọt mồ hôi sa
 Những trưa tháng sáu
 Nước như ai nấu
 Chết cả cá cò
 Cua ngoi lên bờ
 Mẹ em xuống cấy.



Hạt gạo làng ta
 Những năm bom Mỹ



Trút trên mái nhà
 Những năm cây súng
 Theo người đi xa
 Những năm băng đạn
 Vàng như lúa đông
 Bát cơm mùa gặt
 Thơm hào giao thông.



Hạt gạo làng ta
 Có công các bạn
 Sớm nào chống hạn
 Vực mề miệng gầu
 Trưa nào bắt sâu
 Lúa cao rất mặt
 Chiều nào gánh phân
 Quang chùng sát đất.



Hạt gạo làng ta
 Gửi ra tiền tuyến
 Gửi về phương xa
 Em vui em hát
 Hạt vàng làng ta.



TRẦN DẰNG KHOA

Nhiệm vụ của em

1. Đọc diễn cảm bài thơ
2. Tìm những từ ngữ, hình ảnh mô tả:
 - a - Trong hạt gạo làng ta có hương vị, có vẻ đẹp của quê hương, có lời ru ngọt ngào của mẹ.
 - b - Hạt gạo làng ta đã phải đổi bằng mồ hôi nước mắt của mọi người.
 - c - Hạt gạo làng ta phải đội bom đạn mà lớn lên.
 - d - Hạt gạo làng ta có cả công sức của các bạn nhỏ.
3. Em nói những gì em hình dung về tác giả qua bài thơ "Hạt gạo làng ta".

(Tác giả sống ở đâu? Sống trong hoàn cảnh nào? Tác giả suy nghĩ gì? Muốn nói với chúng ta điều gì khi sáng tác bài thơ "Hạt gạo làng ta"?)

ĐÊM CÔN SƠN

Tiếng chim vách núi nhỏ dần,
 Rì rầm tiếng suối khi gần khi xa.
 Ngoài thềm rơi cái lá đa,
 Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng.
 Mờ mờ ông bọt ngồi nghiêm,
 Nghĩ gì ông vẫn ngồi yên trong đèn...
 ...Bỗng đâu vang tiếng sấm rền,

Tỉnh ra em thấy trong đèn đỏ hương.
 Ngang trời kêu một tiếng chuông,
 Rừng xưa nổi gió, suối tuôn ào ào.
 Đồi thông sáng dưới trăng sao,
 Như hồn Nguyễn Trãi năm nào về thăm.
 Em nghe có tiếng thơ ngâm...
 Ngoài kia nòng pháo ướt đầm sương khuya.

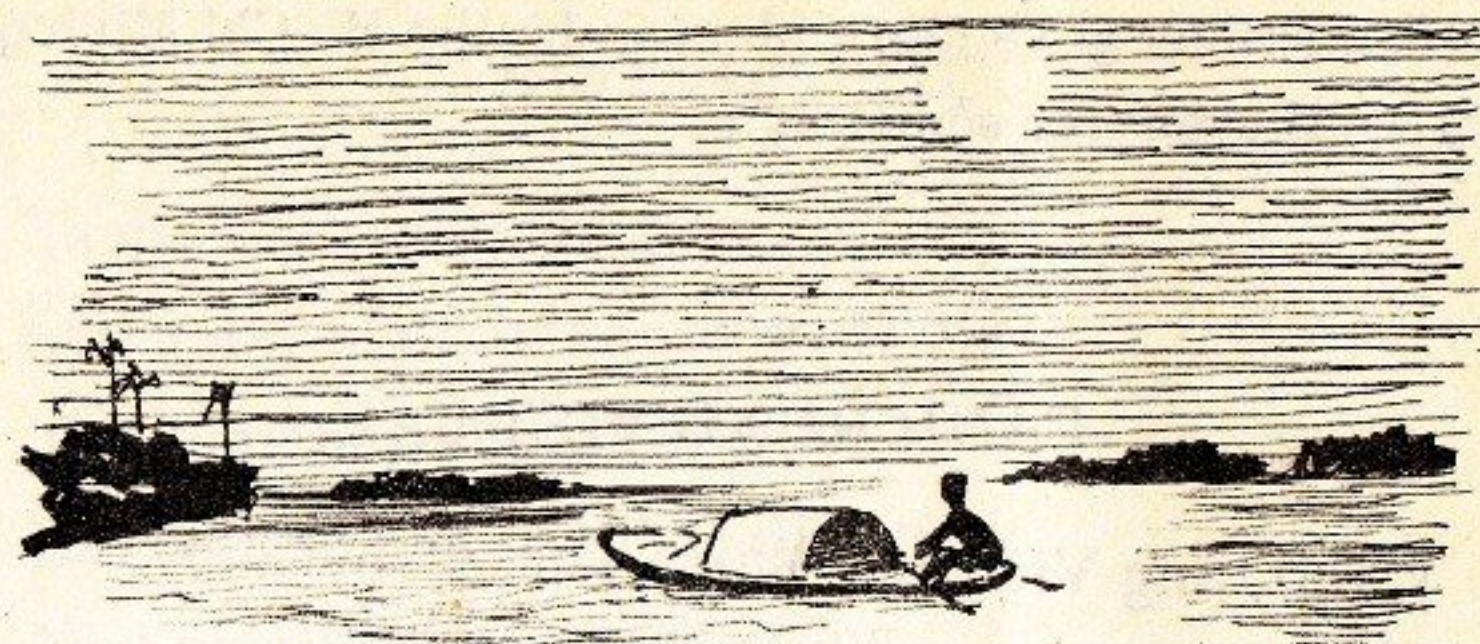
TRẦN ĐĂNG KHOA

Nhiệm vụ của em

1. Đọc diễn cảm bài thơ
2. Em hình dung thấy một nhân vật (tác giả) không ngủ được ở Côn Sơn như thế nào?
 (Tác giả nhìn thấy gì? Khi đó nghĩ gì? Tác giả nghe thấy gì? Khi đó nghĩ gì?)
3. "Em nghe có tiếng thơ ngâm". "Tiếng thơ ngâm" đó là có thật hay trong tưởng tượng của tác giả?
4. Bài thơ gây nên trong lòng em tình cảm gì?

ĐI THUYỀN TRÊN SÔNG ĐÁY

Dòng sông lặng ngắt như tờ
 Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo



Bốn bề phong cảnh vắng teo
 Chỉ nghe cót két tiếng chèo thuyền nan
 Lòng riêng, riêng những bàn hoàn
 Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng
 Thuyền về, trời đã rạng đông
 Bao la nhuộm một màu hồng đẹp tươi

HỒ CHÍ MINH

Nhiệm vụ của em.

1. Đọc diễn cảm bài thơ.
2. Nhân vật trong bài thơ này là ai?
3. Nhân vật nhà thơ xuất hiện trong khung cảnh nào?
 (Tìm những hình ảnh, âm thanh diễn tả không gian và thời gian của cảnh vật). Em tưởng tượng và nói ra ý nghĩ của nhà thơ trong khung cảnh đó.
4. Hai câu thơ cuối bài có phải chỉ tả cảnh "rạng đông" hay còn mang ý nghĩa nào khác?

5. Em hiểu gì về tâm tình của nhà thơ Hồ Chí Minh qua bài "Đi thuyền trên sông Đáy".

CẢNH RỪNG VIỆT BẮC

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót, chim kêu suốt cả ngày
Khách đến thì mời ngô nếp nướng
Săn về thường chén thịt rừng quay.

Non xanh nước biếc tha hồ dạo
Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say
Kháng chiến thành công ta trở lại
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.

HỒ CHÍ MINH

Nhiệm vụ của em

1. Đọc diễn cảm bài thơ.
2. Cảnh rừng Việt Bắc có những nét gì hay? Những từ "chén", "tha hồ", "mặc sức"... ý nói gì?
3. Bác Hồ nói về cảnh rừng Việt Bắc với một giọng như thế nào? Qua đó, em hiểu gì về cuộc sống của Người trong những năm ở chiến khu Việt Bắc?
4. Bài thơ gây nên trong lòng em tình cảm gì?

NHỚ VIỆT BẮC

Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó đắng cay ngọt bùi
Thương nhau chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa chăn sui đắp cùng
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô
Nhớ sao lớp học i tờ
Rừng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa.

TỐ HỮU
(Trích "Việt Bắc")



Nhiệm vụ của em

1. Đọc diễn cảm bài thơ

2. Nhà thơ nhớ về Việt Bắc với những kỷ niệm như thế nào?
3. Qua bài thơ, em hiểu tình cảm của nhà thơ đối với Việt Bắc ra sao?

(Chú ý cách xưng hô, những từ được lặp lại nhiều lần và đặc biệt là giọng của nhà thơ khi nói về Việt Bắc)

NHỮNG BÀI ĐỌC THÊM

TRĂNG LÊN

Kiều từ trở gót trướng hoa
 Mặt trời gác núi chiêng đà thu không
 Gương nga chênh chếch dòm song
 Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân
 * Hải đường là ngọn đông lân
 Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà

NGUYỄN DU
 (Trích "Truyện Kiều")

Chú giải:

- Kiều: tức Thúy Kiều, nhân vật chính của truyện
- Trở gót trướng hoa: ý nói về buồng của mình
- Thu không: tiếng chiêng ra lệnh đóng cổng thành vào lúc chập tối.
- Gương nga: chỉ mặt trăng
- Dòm song: nhìn qua cửa sổ
- Đông lân: nhà hàng xóm phía đông.

CẢNH RỪNG VIỆT BẮC

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
 Đèo cao nắng ánh dao cài thắt lưng
 Ngày xuân mơ nở trắng ngàn
 Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
 Ve kêu rừng phách đổ vàng,
 Nhớ cô em gái hái măng một mình
 Rừng thu trăng rọi hòa bình
 Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

TỐ HỮU
 (Trích "Việt Bắc")

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
 Lướt giữa mây cao với biển bằng
 Ra đậu dặm xa dò bụng biển
 Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Cá nhụ, cá chim cùng cá đé
 Cá song lấp lánh đuốc đen hồng
 Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóa
 Đêm thở, sao lùa nước Hạ Long.

Câu hát căng buồm cùng gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi

HUY CẬN

(Trích "Đoàn thuyền đánh cá")

KIỂM TRA CUỐI BÀI

1. Em đọc bài thơ sau:

ĐẤT NƯỚC

Mùa thu nay khác rồi,
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi,
Gió thổi rừng tre phấp phới,
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha.
Trời xanh đây là của chúng ta,
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa...

NGUYỄN DINH THỊ

2. Em đoán ra hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. Tại sao tác giả nói: "Mùa thu nay khác rồi"?

3. Tìm trong bài những hình ảnh diễn tả vẻ đẹp của mùa thu đất nước.

4. Nhà thơ viết về mùa thu đất nước với một cảm xúc như thế nào?

5. Viết bài

(Chọn một trong hai đề)

Đề 1: Đọc xong bài thơ "Đất nước" của Nguyễn Đình Thi, em đã nhìn thấy, nghe thấy và cảm thấy gì?

Đề 2: Chọn một bài thơ mà em thích. Em viết thư cho tác giả của bài thơ đó nói lên tình cảm của em với bài thơ và với tác giả.



MỤC LỤC

	Trang
Bài mở đầu: CÁCH TÌM NGHĨA BÓNG TRONG TÁC PHẨM VĂN.	3
Bài một: TÌM NGHĨA BÓNG TRONG TỤC NGŨ	7
<i>Bài mẫu:</i> Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ	7
Những bài luyện tập	10
Những bài đọc thêm	13
Kiểm tra cuối bài.	14
Bài hai: TÌM NGHĨA BÓNG TRONG CA DAO	16
<i>Bài mẫu:</i> Con cò mà đi ăn đêm	16
Những bài luyện tập	19
Những bài đọc thêm	26
Kiểm tra cuối bài.	27
Bài ba: TÌM NGHĨA BÓNG TRONG TRUYỆN NGŨ NGÔN	28
<i>Bài mẫu:</i> Bộ lông mượn	28
Những bài luyện tập	31
Những bài đọc thêm	40
Kiểm tra cuối bài.	43

CẢNH RỪNG VIỆT BẮC

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

TỐ HỮU
(Trích "Việt Bắc")

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng
Cá nhụ, cá chim cùng cá đé
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng
Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc
Đêm thở, sao lùa nước Hạ Long.

Câu hát căng buồm cùng gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi

HUY CẬN

(Trích "Đoàn thuyền đánh cá")

KIỂM TRA CUỐI BÀI

1. Em đọc bài thơ sau:

ĐẤT NƯỚC

Mùa thu nay khác rồi,
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi,
Gió thổi rừng tre phấp phới,
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha.
Trời xanh đây là của chúng ta,
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa...

NGUYỄN DINH THI

2. Em đoán ra hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. Tại sao tác giả nói: "Mùa thu nay khác rồi"?

3. Tìm trong bài những hình ảnh diễn tả vẻ đẹp của mùa thu đất nước.

4. Nhà thơ viết về mùa thu đất nước với một cảm xúc như thế nào?

5. Viết bài

(Chọn một trong hai đề)

Đề 1: Đọc xong bài thơ "Đất nước" của Nguyễn Đình Thi, em đã nhìn thấy, nghe thấy và cảm thấy gì?

Đề 2: Chọn một bài thơ mà em thích. Em viết thư cho tác giả của bài thơ đó nói lên tình cảm của em với bài thơ và với tác giả.



MỤC LỤC

Bài mở đầu: CÁCH TÌM NGHĨA BÓNG TRONG TÁC PHẨM VĂN.	3
Bài một: TÌM NGHĨA BÓNG TRONG TỤC NGŨ	7
<i>Bài mẫu:</i> Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ	7
Những bài luyện tập	10
Những bài đọc thêm	13
Kiểm tra cuối bài.	14
Bài hai: TÌM NGHĨA BÓNG TRONG CA DAO	16
<i>Bài mẫu:</i> Con cò mà đi ăn đêm	16
Những bài luyện tập	19
Những bài đọc thêm	26
Kiểm tra cuối bài.	27
Bài ba: TÌM NGHĨA BÓNG TRONG TRUYỆN NGŨ NGÔN	28
<i>Bài mẫu:</i> Bộ lông mượn	28
Những bài luyện tập	31
Những bài đọc thêm	40
Kiểm tra cuối bài.	43

Bài bốn: TÌM NGHĨA BÓNG TRONG TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN.	45
<i>Bài mẫu:</i> Đậu phụ	45
Những bài luyện tập	48
Những bài đọc thêm	55
Kiểm tra cuối bài.	59

Bài năm: TÌM NGHĨA BÓNG TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH	61
<i>Bài mẫu:</i> Thạch sanh	61
Những bài luyện tập	67
Những bài đọc thêm	69

Bài sáu: TÌM NGHĨA BÓNG TRONG VĂN XUÔI	90
<i>Bài mẫu:</i> Người tù binh da đen	90
Những bài luyện tập	94
Những bài đọc thêm	114
Kiểm tra cuối bài.	123

Bài bảy: TÌM NGHĨA BÓNG TRONG THƠ	124
<i>Bài mẫu:</i> Đánh thức trâu	124
Những bài luyện tập	127
Những bài đọc thêm	136
Kiểm tra cuối bài.	138

Hết lớp ba.

nuongmaitruongxua.v

VĂN

LỚP BA

In 7500^c khổ (13 X 19)

Tại xí nghiệp in Viện KHVN

Giấy phép xuất bản : 94/CXB

Nộp lưu chiếu tháng 8 năm 1992

Giá 2.600đ